NĂM THỨ NHỨT, SỐ 52 — NGÀY THỨ BA 27 AOUT 1935

TRÀNG-AN BÁO

TUẦN LỄ RA HAI KỲ: THỨ BA VÀ THỨ SÁU
Mỗi số 4 xu

GIÁ BÁO

		Đông-pháp	Ngoại quốc
Mua một mình TRÀNG-AN	1 năm	3$50	6$00
	6 tháng	2$00	3$50
Mua chung với La Gazette de Huế	1 năm	5$00	8$00
	6 tháng	2$80	5$00

DEPOT LEGAL INDOCHINE

Chủ-nhiệm: BÙI-HUY-TÍN — Chủ-bút: PHAN-KHÔI

Tòa-soạn và tỵ Quản-lý: Số 43, đường Paul-Bert, Huế

Giây nói: số 30; Giây thép tắt: Trangan, Huế

Thơ và măng-đa xin gởi cho Chủ-nhiệm Tràng-An: BÙI-HUY-TÍN

HƯỞNG ỨNG VỚI «TIN-VĂN»

Tờ báo ra đời thường có bài phi-lộ để lòe độc-giả. Tin-văn, tuần báo Văn-học và Mỹ-thuật xuất bản tại Hà-nội, ra đời cũng có bài phi-lộ của nó. Nhưng đây là một bài phi-lộ thành thực, do một tấm lòng nhiệt thành, thiết tha với quốc-văn viết ra. Không phải chúng tôi đi nói dua theo, nhưng thực tình chúng tôi đã nhìn thấy điều đó do trong những lời nói rõ ràng, không bóng bẩy, không chải chuốt của bài phi lộ ấy.

Vậy Tin văn sẽ làm gì? Cái chương-trình của Tin-văn?

Cho được trả lời câu hỏi ấy, chúng tôi xin sao lại dưới đây bản tóm tắt tôn chỉ và công việc của mình sẽ làm mà bạn đồng nghiệp đã đăng trong số 2:

— Vun đắp cho quốc-văn thành một nền văn minh-bạch, chính-xác.

— Tổ chức cuộc hội nghị các nhà văn, nhà báo, nhà in, nhà xuất bản để bàn quốc-văn được nhất trí.

— Gom-góp tài liệu cho một cuốn Việt-nam Văn-học-sử.

— Nâng cao giá trị các nhà văn-sĩ và nghệ-sĩ chân chính.

— Tổ chức những lễ kỷ-niệm các nhà văn qua đời.

— Phát giải thưởng cho những văn-sĩ và nghệ-sĩ trẻ tuổi chưa nổi tiếng.

. .

Thật là một cái chương trình to tát. To tát đến nỗi một ngày kia giá hoàn thành xong, ai là người yêu quốc-văn mà không sung-sướng. To tát nhưng không phải là không làm được: lòng sốt sắng sẽ thắng hết cả mọi sự khó khăn.

Trong bản chương trình tốt đẹp ấy của bạn đồng-nghiệp chúng tôi nhận thấy có ba khoản quan trọng nhất. Ấy là khoản thứ nhất, nhì và ba. Quan trọng vì đó là những điều mong ước tối cao của chúng ta lâu nay.

Thật vậy không có gì bực mình hơn là cùng một văn-tự mà người thì viết thế này, người thì viết thế khác, không có thể cách, nhất luật gì cả.

Chữ quốc-ngữ của ta đương ở vào cái cảnh rối beng ấy. Những tiếng bắt đầu *tr* thì người Bắc viết *ch*, hay trái ngược lại. Người Trung và Nam thì trong óc rối bù không biết chữ nào đáng sau có *g* hay không *g*, *c* ở *t* hay *c*, nên đánh dấu *ngã* hay dấu *hỏi*. Sự lầm lẫn ấy trong đám người thường không nói làm gì, đến hạng sống về cán bút mà cũng lấm nốt thì rõ chán quá. Bây giờ muốn cho sự viết chữ quốc ngữ được duy nhất, chỉ có một cách là mở cuộc hội nghị các nhà văn trong ba kỳ, nhất định một lối viết, một lối thôi, cho toàn nước. Cái ý rất hay ấy của bạn Tin-văn đã có lần chúng tôi nghĩ đến; nay bạn phát biểu nó ra, chúng tôi xin hết sức hoan nghênh.

Chữ quốc ngữ lại không có một văn-pháp nhất định. Hình như ai muốn viết thế nào thì viết. Đến nỗi chúng tôi có thể nói rằng mỗi người cầm bút có một văn-pháp riêng. Trong cuộc hội-nghị sau này, ắt đòi với sự thống nhất văn-tự, sự thống nhất văn-pháp sẽ là một điều rất cần vậy.

Nếu sự thống nhất quốc văn rất cần, thì công việc gom góp tài liệu cho một cuốn Việt-nam Văn học sử sau này cũng đáng làm ngay lắm. Vì mãi đến năm nay là năm 1935 mà chúng ta vẫn chưa có được một cuốn Văn học sử, thật là một điều nhục, đáng hổ thẹn. Ngần nầy năm hiến gì mà đến chừng người ta hỏi: chớ nào quyển sử Văn học nước anh đâu? — thì đực người ra, không biết đàng nào mà trả lời!

Nhưng, cho được tự an ủi đôi chút, chúng ta nên công nhận rằng viết được một cuốn Việt-nam Văn-học sử rất khó. Một lẽ vì tài liệu ngày xưa bây giờ bị thất lạc nhiều lắm; ngay đến những nhà văn sống trong khoảng cận thời đây như Nguyễn Du, Tú Xương, mà sự biết cho rõ về đời và văn nghiệp của họ còn khó khăn thay! Chúng ta không nên đổ cả lỗi cho những cuộc biến loạn thường xảy ra trong nước ta, lấy lẽ rằng nó đã làm trở ngại cho sự lưu truyền văn liệu cho đời sau. Làm trở ngại cho sự lưu truyền ấy, họa chăng chỉ có tánh lười biếng, không muốn ghi chép của dân tộc ta. Nước Pháp có phải là một nước được hưởng sự hòa bình luôn đâu, vậy mà sao bây giờ hỏi đến lai lịch các nhà văn của họ, họ nói được một cách rành rỏi. Ấy vì họ có óc ký sự, mỗi chuyện gì xảy ra có quan hệ đến văn học, họ đều dùng văn tự ghi lại hết.

Lẽ thứ hai là cái kho văn học của ta nó.... rồng quá, rồng về hình thức, rồng về tư tưởng. Thành ra bây giờ ngồi chép lại cuốn sử, chúng ta không biết lấy gì mà nói. Bởi lẽ ấy, chúng tôi có thể nói được rằng viết một quyển sử nước Việt-Nam còn dễ hơn là viết một cuốn Văn học sử của nước ấy. Chẳng thế mà những tay thường ngày gần gũi với tài liệu như các ông Nguyễn văn Tố, Lê Dư, nghe nói định viết cuốn sử văn học nước nhà, rồi sau rốt cuộc, ngại ngùng, cũng không dám ba hồi.

Thật là một công việc rất khó. Khó, nhưng không lẽ ngồi im luôn. Bạn Tin Văn đã có cái can đảm đứng ra gánh vác việc đó. Nhưng bạn cũng chỉ mới có cái định ý khiêm tốn là sẽ ra công gom góp những tài liệu mà thôi. Còn sự viết cuốn Việt nam Văn học sử, nếu đủ thì giờ và sức lực làm được cũng càng tốt, bằng không, xin để lại người sau....

Rốt lại những khoản có thể thi hành một cách dễ dàng của bản chương trình là những khoản thuộc về sự nhớ công người xưa và sự khuyến khích người nay. Chúng tôi muốn nói đến ba khoản cuối cùng. Kể ra thì những việc sau này không khó, khó hay không là do ở lòng nhiệt thành chung không nhiệt thành. Vậy cố lên, bạn Tin văn!

Chúng tôi tuy không ra đám đương được cái công việc tốt đẹp của bạn định chủ trương, nhưng bao giờ cũng vẫn một lòng tán thành. Chúng tôi coi cái chương trình của bạn như một cái chương trình chung của các bạn yêu quốc văn. Và trong lúc đợi chúng nghe một cái chương trình rõ ràng, đầy đủ hơn do bạn vạch lấy, chúng tôi xin có lời hoan nghênh bạn và hưởng ứng với bạn.

TRÀNG-AN

Tràng-An số này có phụ trương

Cuộc binh lửa giữa Á và Ý khó lòng tránh khỏi

Hội-nghị tam-quốc Anh, Pháp, Ý, họp tại Paris đã bị thất bại. Ý thì nhứt định đòi các điều kiện về chánh-trị và quân sự, Pháp và Anh thì quả quyết chỉ nhường về kinh-tế thôi. Cứ găng nhau, không ai chịu nhịn, hội-nghị rốt cục chẳng định được việc gì.

Đối với sự thất-bại của hội-nghị, các báo Pháp tỏ ra một thái độ rất bi quan vì nó sẽ có ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc hòa-bình của Âu-châu: nạn chiến-tranh thế nào cũng nổi lên ở Phi-châu, Ý tất ra khỏi Hội Quốc-liên.

Các báo lại hỏi: Chẳng hay thủ tướng Mussolini định thêm vào cái danh vọng mình một cái chiến-công rực rỡ hay là định lo liệu cho kiều-dân Ý ở Á. Nếu thiệt như lẽ trên thì chẳng ai có thể can ngăn được.

Người ta đoán rằng đến kỳ hội đồng Hội Quốc-liên ngày 4 Septembre này, đại-biểu Anh sẽ đem cái trách-nhiệm của Ý mà kể ra. Lẽ tất nhiên là Ý chẳng chịu nhận lỗi giữa hội-đồng: theo gương Nhật và Đức, Ý sẽ từ giã Hội Quốc-liên. Tình hình ở Âu-châu sẽ thêm nghiêm trọng, Đức tất càng ngày càng đè nén Áo.

Thấy rõ tình thế như vậy, Pháp cần liên-lạc với Anh, lại cũng cần phải thân-thiện với Ý nữa để Ý khỏi công-nhiên đứng về phe Đức mà quấy rối cuộc hòa-bình ở Âu châu. Địa-vị Pháp mới thật là khó xử.

Ngày nay người ta không biết về việc Ý Á, ba nước Anh-Pháp Ý định liệu ra sao. Trực tiếp bàn bạc với nhau còn chẳng ăn thua gì, huống hồ nay chỉ còn cách giao-thiệp bằng đường ngoại-giao!

Theo lời đại biểu Ý là ông Aloisi thì Ý lúc nào cũng trọng sự hòa-bình, Ý lúc nào cũng hiệp lực với Anh và Pháp để giữ gìn cho cuộc hòa-bình ở Âu châu. Nhưng Ý không muốn ích kỷ hưởng cuộc hòa-bình đó một mình, Ý muốn cho các thuộc-địa Ý cũng được hưởng nữa. Trong 50 năm Ý đã từng ký với Á rất nhiều bản hiệp ước, nhưng nào Á có chịu theo bao giờ đâu!

Ông Aloisi nói rằng ở Phi, Ý chỉ có 200 000 người mà Á thì có những 400.000 người, thuộc địa Ý rất là nguy ngập, nên Ý cần phải trợ lực thêm. Ý sẵn lòng rút người về nếu như Á chịu giảm quân bị. Hội-nghị tam-quốc không nghĩ đến việc đó, chỉ chuyên bàn về kinh-tế, bưu-điện và tuần phòng cương giới thì giữ làm sao cho Phi-châu yên ổn được.

Ông Aloisi thì cho rằng vì ở Phi người Á nhiều mà người Ý thì ít nên cần phải đưa thêm quân Ý sang để bảo vệ kiều-dân Ý và phòng bị những sự chẳng may có thể xảy ra. Trái lại, các báo Ý thì lại lớn tiếng nói rằng Ý cũng có quyền sinh hoạt dưới bóng mặt trời như các dân tộc khác, dân Ý nhiều, đất Ý hẹp mà Á thì còn như nhiều đất, lẽ cố nhiên là Ý phải sang đấy sang bên đó. Các nước chỉ còn có cách là thuận cho Ý chiếm lấy Á, bằng không Ý cũng cứ khai chiến.

Lý của các báo Ý cũng cứng đấy, nhưng là lý...tướng cướp.

Việc tính tiền phạt ra hạn tù

Quan Toàn quyền vừa ký nghị định sửa đổi khoản 70 trong nghị định ngày 5 juin 1933 nói về việc đổi tiền phạt ra hạn tù theo như sau đây nếu tội nhân không có tiền nộp phạt:

Số tiền phạt không quá 200 quan sẽ phải tù từ 1 đến 20 ngày;

Số tiền phạt không quá 400 quan sẽ phải tù từ 20 đến 40 ngày;

Số tiền phạt không quá 800 quan sẽ phải tù từ 40 đến 60 ngày;

Số tiền phạt không quá 5000 quan sẽ phải phạt tù 2 đến 4 tháng;

Số tiền phạt quá 5000 quan sẽ phải phạt tù 4 đến 6 tháng.

Nhà đoan săn thuyền mành để bắt hàng lậu

Từ trước đến nay, nha Thương-chánh vẫn dùng các tàu con để đi tuần ngoài ven bể và bắt các hàng lậu, nhưng xét ra cách nầy không có hiệu quả mấy, vì các thuyền chở hàng lậu đi ngoài bể hễ trông thấy cái tàu của nhà Đoan đương đi ở đường xa đã kiếm nơi ẩn núp hoặc ở sau các núi hoặc ở các đảo nhỏ, vì thế mà lâu nay không thể triệt hết được bọn buôn lậu, hàng năm thiệt hại cho ngân sách nhà nước rất nhiều.

Gần đây nhà Đoan nghĩ ra một cách là dùng thuyền mành để đi tuần ngoài ven bể thì mới có thể bắt được bọn buôn lậu. Ở ngoài vịnh Bắc-kỳ nhiều thuyền bè đi lại lắm, bọn buôn lậu sẽ không phân biệt được thuyền nhà Đoan với các thuyền buôn khác mà tìm đường trốn trước được.

Các thuyền mành của nhà Đoan đều có lắp sẵn động cơ, lúc thường thì cũng chạy bằng buồm như các thuyền khác, nhưng khi nào trông thấy chiếc ống nhòm trông thấy chiếc thuyền nào có bộ khả nghi thì lập tức cho mở máy đuổi theo, các thuyền lậu sẽ không thể nào trốn kịp.

Hiện nhà Đoan đã định trích ra một số tiền 157.000$00 để sắm các thuyền mành và các động cơ, còn các tàu trước kia dùng trong việc tuần phòng ngoài bể, cái nào cũ thì cho bán dần để sắm thêm các dụng-cụ tối tân khác.

Bãi tiền phụ-cấp của các y-sĩ Đông-dương

Theo nghị định ngày 3 Décembre 1920, các y sĩ Đông dương có bằng tốt nghiệp của nhà nước cấp cho (diplôme d'Etat) và bằng tốt nghiệp của trường Cao đẳng y học (diplôme d'Université en médecine) đều được lãnh một khoản phụ cấp đồng niên.

Ngày 6 Août 1935 quan Toàn quyền đã ký một đạo nghị định bãi bỏ đạo nghị định kể trên, nghĩa là từ nay các viên y sĩ không được tiền phụ cấp ấy nữa.

ĐẢNG-VIÊN CHỮ THẬP NGOẶC HÀNH-HUNG VỚI NGƯỜI DO-THÁI

Trong thượng tuần tháng juillet tại kinh thành Berlin các nhà chớp bóng chiếu phim *Petterson et Beudel* là một phim mạt-sát chế nhạo người Do-thái từ đầu tới cuối. Cốt chuyện của phim *Petterson et Beudel* tả cảnh sinh hoạt của một nhà Do-thái, tằn tiện, bẩn thỉu, dan giối, lừa dối, ai coi cũng phải sẵn lòng tức-giận và khinh bỉ.

Hình như từ mấy hôm đó, người Do-thái có tụm năm tụm ba trước những nhà chớp bóng ấy thì phải. Dân chúng người Đức quả quyết rằng có trông thấy họ huýt còi la hét có ý muốn ngăn không cho chiếu phim *Petterson et Beudel*. Các đảng-viên chữ thập ngoặc có mặt tại các nhà chớp bóng bữa đó lấy làm bất bình lắm, cho rằng người Do-thái quá lộng quyền.

Các báo của các đảng-viên sơ-mi nâu có thuật lại rõ ràng sự rủi ro đó và còn thêm nhiều đoạn kích-thích dân Đức «bài trừ» người Do-thái.

«Người Do-thái quên rằng từ xưa đến nay họ vẫn được chúng ta trọng đãi. Ngày nay họ lên mặt, chúng ta cần phải cho họ một bài học đích đáng. Chúng ta phải tỏ cho họ biết chúng ta là hạng người thế nào. Hỡi cách mạng quốc gia xã hội họ đua nhau lẩn lút các nơi, nay sao họ không rúc vào những xó xỉnh ấy nữa đi. Chúng ta không thể nhẫn nhục được nữa, lẽ tất nhiên phải xảy ra chuyện lôi thôi mới xong...»

Những tờ báo ấy trong một ngày trời bán hết không biết bao nhiêu mà kể.

Các đảng-viên sơ-mi nâu lấy làm tức tối lắm, nhứt-quyết làm dữ.

Đêm hôm 15 juillet, một đồ-đệ của Hitler nhóm ngồi lừa bằng một cái hích vô duyên cớ vào một người Do-thái đứng vơ vẩn trước một nhà chớp bóng. Thấy cách khơi chiến bất lịch sự của đảng-viên sơ-mi nâu ấy, một cảnh binh can thiệp vào rồi dẫn anh ta về sở Cẩm.

Chung quanh sở Cẩm, công chúng đến mỗi lúc một đông, rồi hết lớp này đến lớp khác, chật cả đường, đen nghịt cả phố. Họ hát cái điệu quốc gia xã-hội, ép ông Cẩm phải tha đảng-viên bị bắt. Thấy thái độ họ hăng hái dữ tợn quá, ông Cẩm phải chiều theo ý muốn của họ.

Rời sở Cẩm, họ ùa kéo nhau đi đánh phá các nhà hàng của người Do-thái. Tiệm ca-phê Bristol bị tan hoang không còn một đồ vật gì là lành lặn. Một người Do-thái chạy trốn không kịp bị đánh nhừ tử, một thiếu-nữ Do-thái bị đá ném vào đầu trọng thương.

Tám trăm đảng-viên sơ-mi nâu đuổi bắt một người Do-thái chạy trốn và bị đập chết. May người này chối không phải là Do-thái nên sống sót nhưng cũng chỉ còn thoi thóp.

Trong một nhà chớp bóng, một bọn trẻ tuổi đứng lên hô lớn: *Đuổi người Do-thái ra ngoài.* Tức khắc công chúng theo lệnh cứ thấy người nào có vẻ Do-thái là đánh đuổi khỏi rạp.

Năm mươi đội cảnh-binh hết sức giữ trật tự mà không nổi. Đã có người tức quá rút súng ra định bắn nhưng các bạn đồng-nghiệp can-ngăn. Các tiệm buôn lớn các khách sạn phải tắt đèn cả. Không những người Do-thái, người Đức cũng phải trốn tránh sợ các tướng áo-nâu họ nghi là Do-thái thì nguy to.

Các đảng-viên sơ-mi nâu tầm nã người Do-thái suốt ngày thâm đêm. Họ ngăn cả ô-tô lại, xét người ngồi trong có phải Do-thái không, hỏi lai lịch quê quán chức nghiệp, hễ lúng túng là nguy đến tánh mạng. Họ kéo nhau từng đoàn hàng mấy trăm người quần áo lôi thôi mặt mày dữ tợn đến tàn phá các nhà ở phố Kurfurstendamm là phố có nhiều người Do-thái ở.

Sau những buổi hành hung vô ý-thức, tại Berlin người ta đã tỉnh ngộ ra rằng cách hành động khủng bố sau những trước nghĩ sau của các đảng-viên sơ-mi nâu là có hại cho thanh danh đảng chữ Thập ngoặc.

Nhưng thực ra cách hành động ấy có hẳn là không suy trước tính sau không? Nghĩ vậy là lầm vì nhiều đảng-viên sơ-mi nâu đã tự tính sắp đặt việc đánh đuổi người Do-thái đã lâu. Hàng tháng trước các báo chí của đảng chữ Thập ngoặc đã nhiều phen kích thích dân chúng đả đảo người Do-thái. Mục đích của họ không phải là đẹp bớt lòng kiêu căng của người Do-thái xuống — vì không cần đẹp nó cũng đã tự đẹp rồi — mà là đánh đuổi người Do-thái cho được sướng tay sướng mắt mà thôi. Những người này phần nhiều là những người quá khích của đảng Quốc-gia xã hội. Trả lời cho họ luận, họ chỉ có cớ: Chúng tôi ghét người Do-thái, chúng tôi không muốn trông thấy mặt họ. Đã bẩn rằng không muốn thấy mặt họ thì đuổi họ đi, nhưng khi họ lảng vảng ở ngoài phố, chớ ai lại vào nhà người ta mà đánh đập tàn phá. Các tướng áo nâu thật là quá bậy! Họ không nghĩ rằng nếu mà cứ làm như vậy thì cũng bất hủi tống khứ người Do-thái thì mấy mươi vạn những người khốn nạn ấy biết sống gởi thác nhờ vào đâu?

Tôi nói khốn nạn, vì người Do thái là một dân không có nước!

TIỂU-DIỆU-TỬ

Các y-sĩ Đông-dương Có thể được bổ làm bác sĩ Đông-dương

Điều thứ 10 đạo nghị-định ngày 18 Février 1922, do nghị-định ngày 5 Juin 1934 đổi lại, thì nay thay bằng những điều sau đây:

Những y-sĩ Đông-dương có bằng Y-khoa bác-sĩ của nhà nước cấp cho, đều có thể bổ vào ngạch các bác-sĩ Đông-dương nếu đã trúng tuyển kỳ thi định ở điều thứ 7 trong đạo nghị-định kể trên. Bây giờ, các viên ấy sẽ được đổi chức Bác-sĩ Đông-dương tập sự. Tuy vậy, nếu ai đã tập sự rồi trong thời kỳ còn là y-sĩ Đông-dương, thì được miễn lệ tập sự và được bổ làm bác-sĩ Đông-dương hạng năm ở trật nào mà số lương bổng sẽ ngang hay là hơn ngay số lương bổng của viên ấy lĩnh khi còn là y-sĩ Đông-dương.



— Ông ấy mà cũng biết nhảy sao chị?
— Chị tính thử sẵn tiền ở luôn bên Tây bảy tám năm tài chi không biết nhảy!

Có Có Không Không

Bà Đen là bà gì?

Ở Tây-ninh (Nam-kỳ) có hòn núi Bà-đen. Trong núi có nơi phong cảnh đẹp và có hai ngôi chùa; một ngôi gọi là chùa Kim-sa, thờ Linh-sơn Thánh-mẫu.

Kim-sa nghĩa là « cát vàng ». Vì ở đó có cái khe chảy ra nước lẫn cát, mà bụm nước vào tay xem thì thấy trong cát có bụi vàng lóng-lánh, có lẽ núi đó có mỏ vàng thì phải.

Còn Linh sơn Thánh-mẫu thì hình như một vị thần-tiên gì trong tiểu-thuyết. Nhớ như trong truyện Đường có Linh-sơn Thánh-mẫu dạy phép cho Phàn Lê-hoa.

Chùa Kim-sa thờ Linh-sơn Thánh-mẫu cũng như Đạo Cao-đài thờ Tề-thiên-đại-thánh; ở Nam-kỳ thì người ta làm như thế, không có gì đáng lấy làm lạ.

Mới rồi đức Bảo-đại có phong sắc cho vị thần thờ trong chùa đó nhưng cho Bà-Đen chớ không phải cho Linh-sơn Thánh-mẫu.

Phải, Linh-sơn Thánh mẫu là thần thánh trong tiểu-thuyết, nhà vua không phong sắc cho, cố nhiên rồi; nhưng sao lại phong sắc cho Bà Đen? Bà Đen là bà gì?

Sắc như thế này: «...Làng sở tại phụng sự Bà Đen mấy lâu, nẫm trứ linh ứng, nay phong cho chức Dực bảo trung hưng linh phù chi thần v.v..»

Tôi đọc tới mà tức cười quá. Không biết cái ông gì ở bộ Lễ làm cái sắc này, ông có biết Bà Đen là bà gì không?

Ông lầm rồi, mà cái lầm của ông to cũng bằng con voi Đức Bảo-đại mới mua về!

Chẳng những bà đen không là bà gì mà cũng không có bà ấy nữa!

Những tên đất trong Nam-kỳ có nhiều tên bằng tiếng « bà » như thế, như Bà-rịa, Bà-hom, Bà-quẹo, Bà-điểm...

Ấy là tên của Cao-miên mà rồi ta kêu theo. Bà-đen cũng như các thứ « bà » trên đó, chỉ là tên đất mà thôi, chớ không phải Bà-đen có thể dịch ra là « Madame Noire » đâu vậy!

Như thế thì sao người ta lại thờ bà ấy được mà « nẫm trứ linh-ứng » kia? Như thế thì làm sao nhà-vua lại phong sắc cho được kia?

Bà-đen chỉ là tên một hòn núi kia mà!

Mà theo tiếng Cao-mên cho đúng, núi ấy phải kêu là Chơn-bà-đen chớ không phải Bà-đen. Vì thật, nguyên tên núi ấy là Chơn-bà-đen mà người mình kêu hà-tiện đi mất một tiếng. Nếu cái ông gì làm sắc cãi rằng Bà-đen nghĩa là người đàn bà mặt đen thì ông cũng nên nói luôn rằng bà-quẹo là người đàn-bà có tay quẹo hay chân quẹo. Nhưng khấn thay đến bà-rịa, bà-hom, bà-điểm thì ông không cắt nghĩa được nữa!

SAO-ĐUÔI

TIẾP THEO BÀI « THÁP CHÀM MÀ THỜ TƯỢNG MẪU »

VIẾNG..... BÀ

« .... nghe đâu bà nầy lại hiển-hách oai-linh nữa. Ngán cho tâm hồn mê tín của người Nam.... »

Đó là lời của ông Pathé mà tôi đã đọc ở bài « Tháp Chàm mà thờ tượng Mẫu » trong Tràng-An số 47. Tuy ý tưởng của ông Pathé không phải là ý tưởng của tôi, nhưng đọc đến đoạn văn ấy trong lòng tôi phát ra một cảm tình như mông mênh, như quái gở đối với ông Pathé. Vậy để nối theo bài của ông Pathé, tôi xin chép lại đây, một bài đi viếng Tháp Bà (tức tháp thờ Thiên-Y-Thần-Nữ) của tôi. Tôi ước ao rằng các bạn, nhứt là các bạn còn trẻ tuổi như tôi, xem đó mà suy nghĩ.

.˙.

Một ngày rằm, tôi bị bắt buộc phải thay mặt chị tôi mà đi lễ bên « Tháp Bà ». Tôi hết sức từ chối, vì tôi đã tin rằng những thứ ông, bà, cô, cậu ấy chẳng quan hệ gì đến tôi và loài người như tôi.

Trong lúc ấy tôi đã muốn đem bao nhiêu lý thuyết của tôi mà khuấy rối cái óc mê tín của chị tôi một bữa. Nhưng, việc là « việc trên đầu trên cổ » (!) của chị tôi, mà cái thân tôi còn sống gởi nơi chị tôi, nếu tôi phạm đến cái lòng tín ngưỡng là cái linh thiêng, cái bất khả xâm phạm của chị tôi, thì chắc nguy đến sự sống nhờ của tôi. Vì thế mà tôi buộc lòng phải nhận lời.

Ngồi trên xe kéo từ từ chạy, mâm quả phẩm, bó hương vàng ve rượu trước mặt tôi, tôi thấy trong lòng bứt rứt khó chịu. Nghĩ viển vông, tôi đã muốn ngừng xe lại, ném hết phẩm vật bên lề đường rồi trở về, nhưng lại sợ chị tôi hay được. Tôi phân vân lưỡng lự, anh kéo xe vẫn vô tình cặm cụi đưa tôi đi. Bất giác tôi lại nghĩ: tôi đi lễ đây cũng không khác tôi được chị tôi sai đem một vật gì biếu người quen.

Lý nghĩ ấy đã an ủi tôi rất mau chóng. Tôi lại thấy khoan khoái dễ chịu. Một nụ cười với trời, đất, cây, cỏ, nét mặt tôi bấy giờ có vẻ hài hước, láo xược. Tôi sẽ lạy một cách cho ngộ nghĩnh. Tôi sẽ khấn một câu cho khôi hài. Tôi sẽ nhìn hai cái vú đen xám của pho tượng « Bà » mà mơ ước.... Tôi sẽ nhìn khói trầm hương mà cười thầm. Tôi sẽ nghe mấy hồi chuông mà gõ nhịp. Tôi sẽ hành động thế nào cho khác hẳn mọi người, vì trong tâm trí tôi không có chút gì là sùng thượng tôn kính cả.

Xe ngừng dưới chân núi. Tôi thong thả bước trên mấy tầng cấp cao. Tôi còn nhớ một lần năm ngoái tôi đã đến đây, rụt rè, e lệ, kính sợ bao nhiêu thì ngày nay tới lại mau mắn, tự nhiên, láo xược bấy nhiêu, hình như không có sức mạnh gì có thể đàn áp được lòng tự tín của tôi.

Lên hết hằng mấy chục tầng cấp, tôi đi ngay đến cửa tháp. Lão từ lọm khọm đã bước ra đón tôi và dẫn tôi vào.

Trong tháp như một gian phòng chật hẹp. Tôi chưa kịp nhìn cảnh vật trước mắt tôi, thì mùi trầm hương đã thoảng lọt vào mũi tôi. Ánh sáng lu mờ của hai ngọn đèn lay động bây giờ chiếu thẳng vào mặt tôi. Pho tượng đá đen thui thủi bệ vệ trên cái đế cao, như muốn chỉ ngay vào cái lòng ngạo mạn của tôi.

Khói hương nghi ngút. Sau ba hồi chuông như khêu gợi, như thúc dục tâm hồn tôi, thì trong tháp không còn một tiếng gì chuyển động. Lão từ khép nép bên góc bàn như muốn ẩn mình. Bây giờ giữa cảnh vật oai nghiêm, vắng vẻ. Bà với tôi, tôi với Bà đối diện nhau, tâm hồn tôi thấy khác hẳn. Trước khi vào đây lòng tôi, với những đều đã định, như hăng hái, như quả quyêt, bây giờ lại lo sợ. Tôi định trí hết sức chống với sự cám dỗ của vẻ oai nghiêm, của mùi trầm hương, của ánh sáng đèn và của pho tượng. Nhưng trước một vật vô tri giác mà người đều sùng thượng, lòng tôi không thể không tôn kính. Tư tưởng tôi chỉ có thể xuất hiện, một cách run rẩy sợ sệt ở trong câu khấn: « Thưa bà, tôi tên là... vâng lời cô... đem kính bà một nải chuối, một ve rượu và một bó hương vàng, xin bà vui lòng thâu nhận cho ».

Khấn xong tôi thấy lòng tôi thêm hồi hộp. Trái tim nhảy mạnh, tôi phát lạnh mình, Tôi lo sợ, tôi hối hận. Mùi trầm hương, ánh sáng đèn, như nâng niu, như âu yếm, như quyến rủ tâm hồn tôi. Nhìn pho tượng tôi chỉ thấy vẻ oai nghiêm bắt tôi phải kính sợ. Cảnh vật đã mê muội lòng tôi.

Một hồi chuông, dội vang, bốn phía thành đang phủ kín tôi, như thức tỉnh tôi trong giấc mộng. Lễ xong tôi bước chân ra khỏi tháp. Trời sáng sủa, không khí nhẹ nhàng. Nhìn xuống, bên mé đường một đám dân lao động đang cặm cụi làm dưới ngọn roi nghiêm khắc của người coi việc. Tôi thấy khoan khoái. Rồi vẫn tin chắc rằng những « cái ấy » không quan hệ dính dấp gì đến sự sống của tôi và loài người như tôi. Than ôi, người ta đã khéo giăng một bức màn oai linh bí ẩn để mê muội không biết bao nhiêu linh hồn non nớt yếu hèn!....

MAI-THANH-LÂM
(*Nhatrang*)

TIẾNG DÂN KÊU

Một người lái cây bị phạt ở Chợ-củi kêu oan

Bản-báo vừa nhận được phong thơ bảo lãnh, mở ra thấy cái giấy kêu oan dưới này, vậy đăng lên đây để quan trên minh xét cho người mắc oan nếu là oan thật. Về phần chúng tôi không thêm lời gì vào hết, vì chúng tôi chẳng biết thực hư trong việc đó thế nào. — *Lời Tòa soạn.*

.˙.

Faifoo le 23 Août 1935

Kính trình ông chủ bút báo Tràng-An, Huế,

Tôi tên là Vương Toản, nghề buôn, nhà nghèo, biết chữ Quốc-ngữ, xưa nay không can liên khoản gì,

Sanh và trú tại làng Kim-bồng, tổng Mỹ-khê, phủ Duy-xuyên tỉnh Quảng-nam,

Xin nhờ quí báo lấy lòng công-minh đăng cho tôi sự oan ức sau này:

Nguyên ngày 25 tháng 6 Annam, tôi lên Xuân-sơn chở về Kim-bồng 6 miếng kiềng-kiềng, 1 miếng gõ, 2 cây cồng. Khi đi qua trường thuế Hà-tân, tôi có lo với thầy cai tên là Hồng một số tiền 6$00, thầy ấy cho đi và dặn rằng khi bè về tới Chợ-củi, phải tìm thầy đội Kiểm-lâm tên là Khác mà lo cho thầy ấy 6$00 nữa mới chở luôn về được.

Qua ngày 26, bè tôi tới Bình-long, tôi tin cho thầy đội Khác ở Chợ-củi biết, thầy ấy biểu tôi cứ đậu lại đó chưa được chở về, vì mới vừa rồi có xảy chuyện mao Kiểm-lâm đương bắt cây tại Kim bồng chưa yên.

Tôi vâng lời đậu lại, mãi đến mồng bốn tháng 7 Annam mới thả bè về tới Chợ-củi. Theo thói thường, tôi có đến tìm thầy đội Khác để lo bạc cho thầy mà chở đi, thì thầy nói rằng: Quan Kiểm-lâm ở Hàn vừa mới vô bắt cây lậu ở Kim-bồng, đương còn lôi-thôi, thầy không dám thả cho đi, thầy chỉ làm ơn mà đánh thuế bè cây của tôi theo hạng gỗ tạp.

Nhưng tôi không có giấy cội về hạng gỗ tạp. Thì thầy biểu tôi đi mượn giấy cội về gỗ tạp của tên Huỳnh-Văn đưa lên cho thầy. Khi ấy đã 12 giờ khuya. Không hiểu vì lẽ gì — thầy ấy sợ đổ bể ra chăng — thầy lại báo với Thương-chánh Chợ củi bắt tôi đánh thuế nặng và phạt bạc thêm nữa.

Tôi thiết nghĩ sự gian-lậu đành rành của tôi đây cũng vì buổi « Kinh-tế », buôn thua bán lỗ mà đánh bạo làm càn, vốn tin chắc ở bức màn âm-muội của thầy đội Khác mà đã không tin được thì cũng đành cam chịu vậy:

Sau khi xét hỏi, quan Thương-chánh đánh món thuế tới 39$00 và phạt tôi 50$00, hạn 8 ngày đem nạp, tôi cũng xin tuân.

VƯƠNG-TOẢN
(xem qua trang 3 cột 2)

TÔI KHÔNG QUÁNG ĐÂU!

(Trả lời lại ông Thanh-Viên)

Sau khi bài « Từ tòa Khâm sang các Bộ » đã chễm-chệ trên trang nhứt tờ Tràng-an, tôi có cảm tưởng từ nay sẽ bị các quan bên Nam-triều ghét ngọn ghét ngọt — hay hơn nữa — coi như thù không đội trời chung. Phải, nói phạm đến các « phụ-mẫu dân » tội ấy tha sao được, ngạo xược lắm! Năm mươi năm về trước hẳn Tiêu-diêu-tử tôi đây phải nếm không biết mấy chục roi trượng hay bị đày ra một hoang-đảo nào đó như An-tiêm của ông Nguyễn-trọng-Thuật. Cũng may mà sinh sau đẻ muộn nên không phải chịu những hình phạt nặng nề ấy. Thật nghĩ đến mới hay rằng mình cũng dày phước!

Báo ra được một ngày, hai ngày, ba ngày, êm, không xảy ra chuyện chi. Các quan vẫn một ngày hai buổi vô Bộ làm việc, trịnh-trọng nghiêm chỉnh trên những chiếc xe nhà kéo bởi những « hạ sĩ quan » của vệ Thân-binh Tả tam hay Hữu-tứ. Đã mừng thầm các quan ban cho chữ xá, ngờ đâu ngày thứ tư, ông chủ-nhiệm đưa cho một lá trát à quên một lá thơ mà nói rằng: « *Ông Tiêu-diêu-tử, các quan trả lời bài từ Tòa Khâm sang các Bộ của ông* ». Ấy mới chết, ra chưa yên chuyện! các quan trả lời! ồ lạ, các quan có bao giờ trả lời, trừ khi « tri tuân » thì không kể!

Hân hạnh cho tôi lắm, một dân làm báo không tên tuổi mà được các quan để ý đến! Nóng lòng muốn biết vị quan « tác-giả » bài trả lời ấy là ai, tôi lật trang cuối cùng thì thấy vẻn-vẹn hai chữ « Thanh-viên ». Thanh-viên là tên vị quan ấy, nhưng Thanh-viên chỉ là một biệt-hiệu che đậy cái tên thật khai trong sinh-tử giá-thú của vị quan ấy. Nếu trong lá thơ riêng kèm với bài trả lời tôi ông Thanh-viên cho tôi biết tên thật của ông thì tôi đội ơn ông biết chừng nào! Nhưng không, các quan có bao giờ làm thế, các quan bao giờ cũng nhũn nhặn. Ai bảo các quan hay nhút nhát là nói láo. Hẳn ông Thanh-viên có đeo bài ngà cũng để giấu trong áo, không phải vì ông chức phận nhỏ không muốn phô bày nó ra, ông Thanh-viên cũng như nhiều vị quan khác rất nhũn-nhặn. Tôi khen cái đức-tính ấy của các quan.

Bây giờ nói đến bài ông Thanh-viên trả lời tôi.

Mở đầu, ông gọi tên tôi ra, rồi mắng là « bạt tử ». Chưa hả giận, ông còn nhiếc là đồ « quáng gà »! Nếu tôi câu chấp về phép lịch-sự, hẳn ông với tôi đã có dịp trao đổi danh thiếp. Nhưng trong một bài trả lời, chỗ quan hệ là ý tưởng của bài đó, lời lẽ nhã nhặn hay xấc láo chỉ thuộc về phần phụ. Tôi để ý đến phần chính mà khinh rẻ phần phụ.

Về phần hình thức các Bộ ông Thanh-viên biểu đồng tình với tôi, nghĩa là công-nhận rằng tôi không quáng gà, cám ơn ông hết sức. Ông cho sự thiếu-thốn cầu thả đó là do sự thiếu thốn chi-dụng của Chánh-phủ Nam-triều. Đúng. Nhưng nếu biết thu vén, biết bỏ bớt những khoản tiêu pha vô-ích như hội-hè, chạy đàn v.v. thì chỉ trong vòng mấy năm ta sẽ có một dẫy Bộ mới-mẻ, nguy-nga không đến nỗi hổ thẹn với... Tòa Khâm hay với các công-đường bên Bảo-hộ. Về vấn-đề này tôi chỉ dám nói qua-loa thôi, sợ quá tay động đến những vị « bất khả xâm phạm » thì khốn! Điều tôi chắc chắn nhứt là: nếu Chánh-phủ Nam-triều muốn lợi về đường tài-chánh, thì chỉ có cách là bãi bỏ những cơ-quan vô-dụng đi, với những cơ-quan ấy biết bao nhiêu con mọt của kho Nội-vụ!

Trong bài « Từ tòa Khâm sang các Bộ », tôi có tả một vị ấn-quan trước bàn giấy. Vị ấn-quan ấy — mà tôi cho là đại-biểu cho nhiều vị ấn-quan khác — chính ông cũng công-nhận là có, vậy tôi không mang tiếng là bịa-đặt để nói xấu quan-trường. Tôi với ông mâu-thuẫn nhau có chăng ở chỗ ông thì cho số các quan « diêm thuốc » ấy là ít, mà tôi cho rằng nó *hãy còn nhiều*. Chẳng qua là ông ít dịp được thấy mà tôi thì được nhiều dịp thấy. Có thế thôi.

Ông có mời tôi đi thăm mấy Bộ *Giáo-dục, Tư-pháp, và Tài-chánh* để rõ sự sai lầm của tôi trong khi bình-phẩm, về cách làm việc ở các Bộ. Đồng lòng với ông, mấy bộ kể trên thật không hề với cuộc đại cải-cách 2 Mai. Nhưng thưa ông Thanh-viên, *nếu Chánh-phủ Nam-triều chỉ ba Bộ ấy thôi thì tôi đâu có viết bài từ tòa Khâm sang các Bộ*»?

Muốn biết tôi không nói ngoa, xin mời lại ông Thanh-viên có rảnh thời giờ hãy quá bước tới thăm các Bộ mà vô-ý hay hữu-ý không thấy ông kể ra trong bài trả lời tôi. Ông sẽ thấy — đúng như tôi đã nói — những nơi đó thiệt là một tiệm cúp tóc, một phòng tắm, một sòng bạc và một đôi khi lại là một hiệu bán phở nữa! Viết đến đây, nếu tôi là một nhà thi-sĩ hay một nhà đạo-đức, tôi sẽ chép miệng thở dài, nhưng không, với cái tuổi trẻ trung mơn-mởn nhẹ bỗng trên vai tôi không biết thở dài hay chép miệng, tôi chỉ biết ngặt-nghẹo cười xòa. Thế cũng đủ, phải chăng ông Thanh-viên?

Phần chót bài trả lời tôi, ông Thanh-viên có nói về vấn-đề y-phục các thuộc quan trong khi làm việc. Ý-kiến của ông rất hay, hẳn được nhiều người hoan-nghênh. Nhưng đó lại là chuyện khác không dính líu gì đến Tiêu-diêu-Tử tôi vậy Xin cho nó ra ngoài phạm-vi bài này.

TIÊU-DIÊU-TỬ

Việc vặt kinh đô

Con voi mới mua đã ra tới Huế

Trong một số báo trước có đăng tin rằng Hoàng-thượng mới mua thêm một con voi ở miền Đà-lạt, giá là 1500$.

Con voi ấy đã đem về tới Huế ngày 22 Août vừa rồi. Trước khi đến Huế, có cho hai con voi ở Kinh đi đón nó chặng đường. Khoản 11 giờ hơn ngày 22, thấy nói cầu Trường-tiền bị cấm người và xe-cộ qua lại trong m[illegible] lúc để cho voi đi. Quả-nhiên bị cấm thật: giờ ấy là giờ các sở bãi ra nên hai bên đầu cầu đông nghẹt những người và xe tay xe đạp. Một chốc thì ba con voi cùng ở phía nam sông Hương qua cầu một lần. Con voi mới mua đi giữa.

Nó to lớn lắm mà chỉ có một ngà. Có người nói nó được mạng danh là « Ân-bác tượng ».

Lễ trình sắc của quan Thượng thơ Kinh-tế Nguyễn-khoa Kỳ

Ngày 23 Août, quan Thượng Kinh-tế làm lễ trình sắc để yết kiến thần linh tại đình làng An-cựu.

8 giờ, viên chức trong làng vào rước đạo sắc của quan Thượng ra đình làng mà làm lễ. Trong khi làm lễ yết-kiến đó có người Tư-văn tuyên đạo sắc lên.

Lễ xong lại rước qua chỗ Tôn-tộc t[illegible]-đường, cũng làm lễ như vậy. Trong khi rước sắc thì quan viên chức dịch trong làng đi ra vẻ rất nghiêm chỉnh và long trọng. Quan huyện Hương-thủy là Tri-huyện sở tại cũng có đến quan cố trong khi lễ tế, và sau lúc khao-đãi.

Làm lễ tế xong lại rước vào chùa riêng của quan Thượng tại xóm Tứ-tây, [illegible] đất Nội-tán, (gần núi Ngự-bình) để làm chay.

Quan Thượng g có xuất ra và giao cho lý-dịch 50$,00 để làm lễ cúng tế, sau nữa để khao-đãi viên quan viên trong làng.

Chiều hôm sau 24 août, quan Thượng có mời rất đông khách Tây Nam đến dự tiệc champagne và xem múa hát.

Quan Khâm-sứ Thibaudeau sắp trở sang

Quan cai trị Thibaudeau nguyên quyền Khâm-sứ Trung-kỳ cùng phu nhân về Pháp nghỉ đã đáp tàu d'Artagnan ở Marseille sang Đông-dương, chỉ trong ít hôm nữa sẽ đến Saigon.

TRANG-AN BÁO — 20 Dịch giả: PHONG-TUYỀN

ÔNG CỤ NON TUNG

XVII. – TRONG NÚI BỖNG GẶP NGƯỜI (tiếp theo)

Bỗng nổi lên một cơn gió bấc, mây đen bủa kín, giữa khoảng không lại thấy tuyết sa. Tôi đương đứng, chợt thấy một ngón chân hơi đau, và như có vật gì nhúc-nhích ở đầu ngón chân ấy. Cúi xuống xem, thì ra một con thỏ trắng lớn lắm, chẳng hay nó đến lúc nào, nhè ngón chân tôi mà cắn. Con thỏ, lông trắng tinh, điệp một sắc với tuyết, mới nhìn qua, không phân biệt được, chỉ nhờ hai con mắt nó đỏ ngầu, đăm đăm ngó sững lấy tôi, làm tôi nhận được ra. Giống vật này không làm hại ai được, đáng lẽ không nên giết nó; nhưng cái chân tôi bấy giờ như ngứa, bèn đá con thỏ một đá văng ra chết ngất. Kế đó có bốn năm con thỏ khác kéo nhau ra quanh quần bên chân tôi. Bấy giờ tôi mới biết rằng ở đây chắc có hang thỏ, vì tuyết sa lấp hang nên nó phải tuôn ra như vậy. Vả núi đã có nhiều thỏ, chắc không có thú dữ nào, nhờ đó làm cho tôi mạnh dạn [illegible] đi tới. Đi được mười dặm, tôi vào đến giữa núi rồi mà trời vẫn còn gió và tuyết chẳng thôi.

Bấy giờ tuyết sa càng nhiều. Tôi không đội nón phòng mưa, trên đầu chỉ có cái mũ nỉ, tuyết xuống chất lên quá nặng, chốc chốc tôi lại phải lấy mũ xuống mà đổ đi. Còn áo quần mặc trong mình thì tuyết cũng dính dầy cả, làm tôi vừa thấy lạnh, vừa thấy nặng nề khó chịu, bèn hăng hái đi mau [illegible] cho đỡ bớt.

Những dấu cẳng ngựa trong tuyết sa đêm hôm qua đã bị lớp tuyết mới sa đêm hôm nay che-lấp cả rồi, không còn tìm thấy được nữa, tôi khi ấy thấy mình bối-rối, chẳng biết nên trở lại hay nên đi luôn.

Huống nữa, bữa cơm sáng chưa ăn, thấy kiến bò trong bụng, mà muốn ăn cũng chẳng biết ăn ở nơi nào. Sau nhớ lại trong túi áo có mấy phong bánh ngọt mua chiều hôm qua, tôi lấy ra ăn cho đỡ đói. Ăn xong không có nước uống thì tôi cắn đại những cục tuyết lớn mà nuốt. Qua cơn đói khát rồi, nhưng còn cái vấn-đề đi luôn hay trở lại, tôi cũng vẫn chưa giải-quyết.

Một mình trong núi sâu, tuyết ngập đến trên mắt cá, tôi càng băn-khoăn lo nghĩ: Nếu mình cứ đi tới cũng chẳng có mục-đích gì, huống tuyết lớn thế này thì đi sao được? Nhưng nếu trở về thì lấy lời gì đối với Giá-Nhân? Sau lại, trong trí tôi như hật ra một tia sáng. Tôi nhớ lại từ lúc vào núi đến giờ chỉ đi theo một con đường mòn mà thôi, không có rẽ sang đường nào khác. Vậy thì sau khi tuyết sa dù dấu chân ngựa đã mất hẳn rồi đi nữa, ta cứ theo chừng con đường này mà đi cũng không đến nỗi tuyệt vô hy-vọng. Vì ta đã quyết dấu chân ngựa ấy là ngựa của kẻ trộm, thế thì bề nào nó cũng đi về sào-huyệt nó ở mút con đường này và ở trong núi này chớ chẳng ở đâu. Nghĩ vậy rồi tôi cứ nhắm chừng theo con đường ấy ngược mặt về phía tây mà đi tới.

Đi quanh-co một lúc, ngó chừng đằng trước gần hết núi, bỗng thấy một lối rẽ ngang. Ấy là một con đường tắt có những đá lởm chởm, tuồng như ít ai qua lại. Tôi đánh liều rẽ theo lối ấy, đi một đỗi, gặp mấy hòn đá dựng ngất trời. Dưới chân hòn đá dựng ấy, tuyết đóng mỏng hơn chỗ khác, tôi trực nhìn lại thấy dấu chân ngựa rõ ràng. Coi chung-quanh đó, không có dấu chân nào khác. Thấy thế tôi vừa mừng mà lại vừa lo. Lo đường khiêu-khê thế ấy mà cỡi ngựa đi được, kẻ trộm này thật chẳng phải vừa, ta dễ gì mà đương địch lại với nó. Còn mừng là vì sau khi tuyệt-vọng lại thấy dấu chân ngựa, bề nào sào-huyệt của quân gian cũng ở trong núi, sự do-thám của mình chắc bẫn phải thành công! Nhưng hòn núi này châu-vi hơn 40 dặm, mênh-mông như thế mà sao chỉ có một con đường vào được, nghĩ cũng hơi lạ một chút. Sào-huyệt của chúng nếu ở mút con đường này thật, thì khi có quan binh tới vây bắt, chúng mới chạy thoát ngõ nào? Nghĩ tới đó, tôi dường như không tin ở mình cho lắm, và càng để ý phòng n ừa trong khi mạo hiểm cứ một đường đi tới.

Đi đến đây tôi mới biết rằng từ nãy tới giờ mình trèo-leo mãi mà không hay, vì tới đây là chót núi. Ở đây ngó xuống thấy các triền núi chỗ hầm chỗ trài đều ở về phía trước, mà nãy giờ tôi đi ở phía sau. Xem trên núi, thấy không có nhà cửa gì hết, tôi đề quyết rằng nếu có sào-huyệt của quân trộm thì chắc ở trong hang đá. Và bọn chúng chắc cũng không mấy lăm người, có xáp nhau mình cũng chẳng lấy làm đáng sợ cho lắm. Bụng nghĩ như thế, nhưng bốn bề tuyết phủ, biết sào-huyệt nó ở đâu, tìm đâu cho thấy chúng nó bây giờ?

Chợt xa xa trước mặt tôi có mấy luồng khói bay lên từ từ lẫn vào trong tuyết. Mới thấy tôi ngỡ là mây. Nhưng nếu là mây [illegible] không mỏng đến thế. Còn nếu là ngút thì chả nhẽ có giữa ban trưa. Mấy luồng khói ấy, sau khi nghiền-nghĩ, tôi quyết cho là khói nấu cơm. Rồi tôi đoán ngay rằng sào-huyệt chúng ở đó. Tôi bèn nhắm chỗ có khói lên mà đi tới.

(Còn nữa)





Một người lái cây bị phạt ở Chợ-củi kêu oan

(Tiếp theo trang nhì)

Không biết sao quan Thương-chánh với thầy đội Khác còn đánh-đập tôi rồi bắt tôi lăn ngón cái tay trái của tôi vào trong bốn tờ giấy trắng chưa viết chữ.

Ngày 21 tháng 8 tây là mới trong hạn 8 ngày, tôi lo đủ số bạc 89$00 đem nạp. Không biết sao quan Thương-chánh không nhận, ngài nói với tôi rằng hẹn bảy ngày nữa chờ lệnh quan trên rồi sẽ sức tuân.

Tôi chẳng biết sau này còn sẽ xảy ra sự lôi-thôi rắc-rối gì nữa chăng. Nếu có thì có lẽ cũng vì mấy tờ khống chỉ mà quan Thương-chánh cùng thầy Đội Khác đã bắt tôi lăn ngón tay vào như đã nói trên kia vậy.

Pháp-luật là để thị tín cho dân nhứt định mà quan Thương chánh Chợ-củi nói đi nói lại hai lần, tôi mới biết đâu mà nghe được ?

Vậy nhờ qui-báo làm ơn đăng bức thơ này hầu cho thấu tai quan trên may ra tôi khỏi phải mắc điều gì khốc hại nữa về sau :

Nay thơ
VƯƠNG TOẢN

Báo «Khuyến-học» ra đời

Bản báo mới nhận được tờ «tuyên cáo» của báo Khuyến-học ở Hanoi gởi cậy đăng như sau này :

. · .

Nhất định đến ngày 1er Septembre 1935, báo *Khuyến-học* sẽ lưu-hành khắp trong nước

Số đầu đã có đủ các mục sau này :

1° *Ngòi bút thép* của Đào-Hùng và Nguyễn-Tường
2° *Quyển vàng* của Thái-Phỉ
3° *Mấy vần thơ* của Nguyễn-khắc-Hiếu và Á-Nam
4° *Cái máy in* của Đỗ-Văn
5° *Cỏ hàng sách* của Nam-kỳ
6° *Nhật ký* của Phan-trần-Chúc và Trần-thanh-Mai
7° *Tạp báo chí* của Thiếu-sơn
8° *Tử truyện* của Vũ-trọng-Phụng
9° *Chồng sách mới* của Tr-Th và Tchya
10° *Hộp thuốc vẽ* của Khuê studio
11° *Quyển sổ tay* của N. Y. và Đào-công-Tâm
12° *Cái tẩy* của Trịnh-đình-Dư

Còn nhiều bài của hai toà-soạn Trung-kỳ và Namkỳ gửi ra chưa liệt-kê vào đây.

Cách xếp đặt của báo Khuyến-học thực không dám khoe, bạn đọc cứ đón xem sẽ biết: kể trong nước chưa có tập báo nào sánh kịp.

Bức ảnh phụ-bản in nhiều màu, nội một bức ảnh giá in đã đến 0$08 rồi mà cả tập báo chỉ bán có 0$05. Một năm 1$00.

Thư từ và mandat xin gửi về cho:

NAM KỲ THƯ VIỆN
N° 39 Rue du Lac N° 39, *HANOI*

Tin thể-thao

Nếu thắng được Cochet một sét Nứa sẽ được lãnh một số bạc

Saigon — Hiện nay Nứa tập dượt tại sân C. S. A. dữ lắm quyết lòng gặp Cochet để trổ tài lực cho công chúng xét tài nghệ của Nứa giữa Chim-Giao-Nứa xem ai là người đáng mặt đại diện nước nhà đi tranh đấu tại các nước lân bang.

Theo lời người huấn luyện, Nứa không được chơi bời phí sức như trước và chỉ được hút có nửa bao thuốc một ngày. Nghe nói Nứa mới có *coup revers drive* thiệt mạnh và dài tận *fond*.

Chủ-nhật 1er Septembre, Nứa sẽ gặp Cochet trong năm sets.

THỜI-SỰ ĐÔNG-PHÁP

Dân đi làm tư-ích bị chết đuối

Đã bốn năm tháng nay tỉnh Quảng-trị có một sở công-viên ở tại tỉnh do dân tư ích trong mấy phủ huyện đến làm và do sở lục lộ chỉ bảo. Nay sở công viên vừa tạm xong thì nhà nước lại bắt dân tư ích đắp một cái đập đá ngăn một cái thác (tục gọi là thác Giăng) cách tỉnh Quảng-trị độ 500 thước tây.

Chiều 17-8-35 hồi 13 giờ 45 dân vừa nghỉ trưa xong, một người cai lục-lộ mới điểm dân để xuống thả đá, dân vừa lục tục kéo xuống thì một người đầu tiên bị giòng nước cuốn đi (vì cái thác nầy nước chảy mạnh lắm), đến người thứ hai cũng hỏng chơn, người thứ ba cũng vậy. Người thứ tư thấy người thứ nhứt trồi lên hụp xuống, tưởng là người ấy lặn xuống nước sắp đá, đến chừng nghe người thứ ba la cứu một tiếng thì người thứ tư kéo được người ấy vô khỏi bờ, cả hai đều đuối sức, nằm bất tỉnh nhơn sự. Còn hai người xuống trước đều chịu trôi theo giòng nước !

Độ 10 phút sau mới vớt được một người, đã cứng đờ, đem xuống đến nhà thương thì chết. Còn một người nữa đến nửa giờ sau mới vớt lên được, cũng đã cứng trơ trơ. Lúc đó đều đủ cả các quan phó sứ, quan đồn và các người chức trách đứng quanh cái thảm trạng ấy.

Một điều đáng chú ý hơn hết là dân đi làm tư-ích đây đều là dân tổng Cù-hoan phủ Hải-lăng. đi làm tư-ich cách tổng độ hai chục cây số. Mấy người bạc mệnh nầy chết oan hay là vì phận sự?

THƯƠNG-TÂM

. · .

Ban Tiểu Học Pháp Việt ở Collège Vinh sẽ được mở lại

Cách 4 năm đây, Trường Collège Vinh để cho đội lính Lê-dương tạm đóng nên ban cao đẳng tiểu học dời vào trong trại lính giản ở trong thành Nghệ an, còn ban tiểu học thì bị giảm. Nay nhà nước đã rút lính Lê-dương xuống trại binh Trường thi mới làm, vậy ban Cao đẳng tiểu học đã đưa về chỗ cũ. Sang kỳ nhập học nầy phòng lưu học sinh và ban tiểu học pháp việt sẽ mở lại.

Thật một dịp may cho một số học trò nghèo trong thành Vinh, lâu nay không xin vào trường Nguyễn trường Tộ và Cao xuân Dục được, vì phần nhiều các lớp trường kể đó chật đến trong ngoài 80 trò rồi.

Cũng ích cho các cậu dưới nầy khỏi bị chẹt nhau mỗi bàn mười người nữa.

. · .

Deschamps đã được tha về Pháp

Chắc bạn đọc còn nhớ Deschamps can vào vụ Cộng-sản ở Saigon, đã bị Tòa phạt 6 tháng tù.

Mới rồi, nhờ trạng sư Giacobbi xin với quan Toàn-quyền Robin, nên Deschamps đã được tha ra và nhà nước còn cấp cho giấy tàu hạng nhì để về Pháp nữa.

Hồi 4 giờ chiều chúa-nhựt 18 Août, Deschamps đã đáp tàu Porthos mà về Pháp rồi.

Deschamps được tha đây, không phải tha trơn đâu, mà va phải hứa với Chánh-phủ không được tái phạm tội trước nữa (libération conditionnelle).

. · .

Quan tự làm ra Cộng-sản

Bình thuận, huyện Phan-ry-Chàm. — Chuyện này xảy ra hôm đầu tháng mà hôm nay mới xong.

Số là đêm hôm 1er Août, lúc 12 giờ, tên Thủ-tự Phạm-Mên đi tuần trong làng Xuân-quang, xảy thấy một người cầm đèn bin rọi vào mặt y. Mên bước tới nhìn rõ một người đàn ông mặc đồ vàng, vai mang súng, một tay cầm đèn, một tay cầm roi gân bò, miệng nồng sặc mùi rượu.

Người ấy cầm roi chỉ vào mặt Mên mà hỏi rằng : « Mày tên chi ? Làm gì trong làng nầy ! »

Mên khai tên và chức của mình. Người kia liền bảo :

— Mầy vào báo với lý-trưởng làng mầy rằng tao ở Saigon ra đây rải truyền-đơn cộng-sản, biểu làng mầy ra xem ! Đi đi ! Cho mau ! Bằng trái lệnh tao bắn chết lập tức bây giờ ! »

Mên lật đật chạy báo tin thì người ấy cũng theo sau. Đến chỗ ngả ba trước nhà tổng-đoàn Nguyễn Hữu Thời, đưa súng lên trời bắn một phát : đoành !

Chức việc làng mới được tin báo cộng-sản, lại nghe tiếng súng nổ, hoảng hốt chạy ra nhìn rõ là Quan Huyện Phan-ry chàm chớ chẳng phải cộng sản gì cả !

Làng mời quan ngồi trên bộ ván ở Xích-hậu, quan chẳng chịu ngồi, cứ đứng mà quở hương chức về sự tuần-phòng hương thôn không được nghiêm nhặt, và biểu làng mai xuống nha sẽ hay.

Cách mấy hôm sau, làng xuống hầu quan, may không có việc chi cả, cho đến hôm nay vẫn vô sự.

Không biết quan chơi cách chi mà lạ vậy !

. · .

Một đảng viên V. N. Q. D. Đ. bị bắt ở Nam-định

Sở Mật-thám Nam-định vừa rồi mới bắt được tại Tây-lạc thuộc địa phận tỉnh Nam một người tên là Vũ-thịnh, đảng viên Việt-nam quốc dân đảng vẫn bị tầm nã từ trước đến nay. Thịnh là người rất hoạt động trong việc tổ chức lại đảng từ sau hồi việc Yên-bái thất bại.

Hiện người bị bắt này đã bị giải lên Hanoi để phòng Chính-trị xét hỏi.

. · .

Thầy phù-thủy thác, bỏ thây trên rừng

Ninh-hòa. — Nguyễn-hý-Sanh, ngoài bốn mươi tuổi, làm thầy phù-thủy nổi danh là « Cao tay ấn » ở làng Thạch-Thanh phủ Ninh-hòa (Khánh-hòa). Ngày 4 Août, tự nhiên bỏ nhà ra đi. Người nhà tưởng thầy Sanh đi cúng ở đâu nên không để ý. Nhưng mãi đến 4, 5 ngày sau không thấy về, người nhà đâm lo, đổ đi tìm, nhưng tìm mãi không biết thầy đi đâu mà cũng không ai gặp.

Mãi đến ngày 15 Août, tên Nguyễn-Bầu nhơn lên núi làng Phong-phú (Ninh-hòa), thình lình thấy trong bụi gai rậm một cái xác người chết đã rục, liền trình báo. Hương-lý làng Phong-phú đến khiêng cái xác ấy xuống để bên đường cái, cách phủ Ninh-hòa độ 5 cây số. Người ta mới nhận ra rằng xác ấy chính là thầy phù-thủy Nguyễn-hý-Sanh người làng Thạch-thanh.

Cái xác ấy chỉ còn cái đầu hiện còn dính thịt, còn tay chân và các bộ phận khác đã rục lòi xương, xem như bị đốt cháy.

Theo dư luận của người ở dấy thì thầy Sanh chết, bị ma trả thù (!) vì bình sanh thầy hay trị tà ma. (!) Nay đến số thầy chết nên ma đem dấu trong bụi để cho chết rục xương. (!)

Nhưng trong cái chết nầy rất có nhiều điều khả nghi.

Chờ quan địa phương xét thử ra sao.

TAM-GIANG

Tin buồn

Mới tiếp tin cụ Nguyễn-Giáp, Hàn lâm viện thị độc học-sĩ, Thông-phán thượng ngoại hạng Đông-pháp Công-chính tòa Hanoi, là bạn thân của bản báo chủ nhiệm, đã tạ thế tại quí xã, Ngọc Lan trang, làng Yên-thái, Hà-đông là quê của cụ, ngày 21 août 1935.

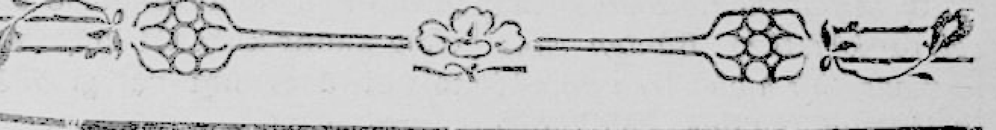
Bản quán xin có lời kính viếng cụ và chia buồn cùng thân quyến.

Đến 20 septembre quan Toàn quyền sẽ về tới Hà-noi

Được tin rằng đến ngày 20 septembre này quan Toàn-quyền Robin sẽ từ Saigon ra Hanoi cùng với các quan tùy-tòng để kịp chủ-tọa kỳ hội-đồng của ban thường trực hội-đồng chính-phủ họp ngày 21 Septembre sắp tới này.

Một người Việt-nam bị ám-sát ở Pháp

Paris 22 août. — Hôm qua người ta thấy tử-thi một người Nam tên là Võ-văn-Tuân làm bếp cho một nhà giàu Pháp. Tuân bị trói chặt, ở trong nhà hưng thủ lấy khăn mặt nhét vào họng chết ngạt. Tuân có bao nhiêu tiền của đều bị mất hết.





Bản báo khải sự

Muốn tránh sự giả giối lừa đảo xảy ra, Bản-quán xin các Ngài độc-giả và Đại-lý, khi có người đến nói thu tiền thì hỏi cho xem giấy.

Những người mà bản quán phái đi thu tiền các nơi thì có giấy của bản quán giới thiệu với các ngài, mà trong giấy nói rõ ràng được phép thu tiền và khi các ngài trả tiền thì đòi biên lai xé ở cuối sổ có răng cưa ra (carnets à souches).



Tiểu-thuyết của Tràng-An Báo — Số 6

AN-NA KHẢ-LỆ-NINH

Tác-giả : LÉON TOLSTOI

Dịch-giả : VŨ-NGỌC-PHAN giữ bản quyền

Chương IV (*tiếp theo*)

Cánh cửa mở, nàng vội lật tung ngăn kéo, rồi khi chồng nàng đến gần, nàng mới ngẩng đầu lên, nhưng đáng lý làm ra bộ nghiêm-trang như nàng đã muốn, nàng lại quay mặt về chàng và trên nét mặt hiện ra một vẻ đau-đớn ngẩn-ngơ.

— Đô-liên ! chàng sẽ nói ngọt-ngào, nói một dọng buồn rầu và chịu kém.

Nàng liếc mắt nhìn chàng, thấy chàng bóng-lộn và hồng-hào, nên tự nghĩ : « À ra người ta sung-sướng và mãn-nguyện, còn ta đây ! Chao ôi ! cái sự tử-tế mà người ta vẫn khen chàng nó làm cho ta điên-tiết làm sao ! » Rồi nàng mím chặt môi, không nói ra lời.

Nàng hỏi một cách cộc-cỡn :

— Muốn hỏi gì tôi?

Chàng cảm-động, đáp lại :

— Đô-liên ! An-na đến đây ngày hôm nay.

— Đến hay không, có dính gì đến tôi ! Tôi không thể tiếp được.

— Đô-liên mình không nên thế !

— Thôi đi đi, đi đi, đi ngay đi ! (Nàng nói to, không nhìn mặt chồng, như đau đớn lắm mà phải phát lên những tiếng ấy).

Khi xa vợ, Ô-long-ky có thể bình-tĩnh và ngồi mơ-màng, nhưng thấy cái mặt hốc-hác kia, và nghe cái tiếng oán hận kia, chàng không thở được nữa, như bị tắc ở cổ, còn mặt chàng đàn-dụa nước mắt.

Chàng không nói ra lời, chỉ nói được vài tiếng :

— Trời ơi ! Đô-liên em hỡi, anh có làm gì đâu !

Nàng đóng ập ngay ngăn kéo lại và ngoảnh lại nhìn chồng.

Chàng lại nói :

— Đô-liên, tôi biết làm sao được ? Chỉ còn một cách thôi : mình tha-thứ cho tôi ! Mình hãy hồi-tâm lại : chín năm ăn ở cùng nhau lại không thể mua chuộc được một phút lỗi-lầm hay sao ?

Nàng nhìn xuống, lắng tai nghe những lời chàng nói, như một người đang mong người ta làm cho mình tránh khỏi một sự sai lầm.

Chàng vừa nói : « Một phút bị cám-dỗ… » và còn đang định nói nữa thì Đô-liên nghiến răng lại như bị một vết thương rất đau nó cắn rứt.

Rồi nàng quát to :

— Thôi đi ngay đi, ra hẳn ngoài kia đi ! Đừng có nói đến những chuyện cám-dỗ, đến những chuyện nhục-nhãn ấy nữa !

Nàng muốn ra khỏi phòng, nhưng đi không vững phải vịn vào một cái ghế. Mặt Ô-long-ky tái mét, nước mắt dòng dòng.

Chàng nói gần như khóc :

— Đô-liên ! Thôi mình nên nghĩ đến đàn con : chúng nó đều vô-tội. Chỉ có tôi gây nên tội thôi. Hãy trừng phạt một mình tôi : bảo cho tôi biết đường rửa sạch lỗi lầm. Tôi sẵn lòng nghe mình. Tôi thật là người có lỗi, tôi biết lỗi-tôi lắm. Không biết làm thế nào cho mình biết rõ bụng tôi ! Nhưng thôi, Đô-liên, hãy tha-thứ cho tôi !

Nàng ngồi xuống ghế. Chàng nghe cái tiếng nàng thở nghẹn-ngào mà rất thương-tâm. Nhiều lần nàng định nói mà không nói ra lời. Chàng đành ngồi yên mà đợi.

Nàng đáp lại bằng một câu trong số những câu nàng đã nghĩ sẵn trong ba ngày vừa qua :

— Chỉ khi nào chơi với con mình mới nghĩ đến chúng nó ; còn tôi đây, tôi nghĩ đến chúng nó và hiểu cả cái điều mà chúng nó đã không còn có nữa.

Nàng đã gọi chàng là *mình*, nên chàng nhìn nàng tỏ ý âu-yếm, định cầm lấy tay nàng, nhưng nàng lánh xa, có vẻ ghê sợ.

— Trên đời này làm việc gì cho con, tôi cũng làm được nhưng tôi chưa biết phải quyết-định như thế nào : chẳng biết có cần bắt chúng nó đi xa cha chúng nó hay cứ để cho chúng nó ở gần một kẻ dâm-đãng ? Phải, một kẻ dâm-đãng, chứ không thể dùng tiếng gì khác được ! Đã xảy ra những việc như thế, có còn ở với nhau được nữa không ? Có thể ở chung được không ? Sao ông lại không nói ? (Câu này nàng nói thật to). Trời ơi ! chồng tôi, cha những đứa con của tôi, mà lại đi dan-díu với một kẻ trông nom chúng nó !…

Chàng ngắt lời nàng và nói một giọng buồn-rầu :

— Nhưng biết làm thế nào được ? Biết làm thế nào được ?

Rồi chàng cúi đầu, không biết mình nói những câu gì.

Nàng lại nói to hơn trước :

— Ông làm tôi tức lộn ruột lên, ông làm cho tôi phải ghê tởm. Nước mắt của ông cũng như nước lã thôi. Ông chẳng thương gì cả ; ông là một người không có lương-tâm, không biết trọng vinh-dự. Bây giờ ông với tôi cũng như người dưng ! (Nàng nhắc đi nhắc lại hai chữ *người dưng* một cách giận-dữ, vì đối với nàng mấy chữ này rất đáng ghê sợ).

Chàng vừa lấy làm lạ vừa lo sợ, nhìn nàng chòng chọc, không hiểu mình đã làm cho vợ tức giận vì lòng thương-xót của mình. Đô-liên cũng đã hiểu bây giờ đối với nàng, chàng chỉ còn thương xót thôi ; không còn có ái-tình nữa.

(*còn nữa*)

Imprimerie ĐẠC-LẬP — Huế

Le Gérant : Bùi-huy-Tín

TRUYỆN NGẮN

VÌ TIẾNG ĐÀN...

(Chuyện thật xảy ra ở « Huế » đã ba năm)

Trong gian nhà rộng rãi, trang hoàng rực rỡ ; giữa một bộ ngựa gõ láng bóng ; bên tả, một cái sập bằng sơn nghệ ; bên hữu, bộ trường kỷ chạm cực kỳ xinh đẹp ; trước bộ ngựa gõ, một cái bàn chạm nổi ; trên bàn bày la liệt nào trắp cẩn, điếu cẩn, quả trầu chạm, khay trà [illegible]. Trướng liễn treo đầy cột đầy tường. Thật là một cái phòng oai nghi lạnh lùng khiến cho kẻ bình dân phải đem lòng tôn kính.

Ngồi xếp bằng tròn trên ngựa, quan huyện Phạm-Thông, vẻ mặt phương phi nghiêm nghị, tóc râu râm râm bạc. Tay chống vào quả gối dựa gấm. Giận dữ quan lên tiếng dõng dọc gọi :

— Con Vân-Anh đâu ?

Một tiếng dạ dịu dàng trong trẻo từ trong đưa ra. Bức màn rung động vén lên. Một thiếu nữ độ 17, 18 tuổi xinh đẹp yểu điệu, nhẹ nhàng bước ra vòng tay, dựa cột, chờ lịnh cha dạy

Thấy mặt con, quan huyện lại càng giận dữ :

— Mầy cả gan dám giấu tao mà ngoại tình với thằng nào ? Nói mau đi !

Biến sắc mặt, Vân-Anh chối :

— Dạ thưa thầy, con đâu dám thế.

Đập tay xuống ngựa quan huyện thét :

— Mầy còn chối, chưa chịu khai à ? Nếu không thì cái thơ nầy mầy gởi cho ai ? Quan vừa nói, vừa đưa ra một cái thơ.

Mặt tái mét, mình toát mồ hôi, trống ngực đập mạnh, nghẹn ngào nàng đứng làm thinh.

— Mầy muốn chết sao không chịu khai ? Quan huyện càng nạt dữ, rồi ngài xây mặt vào nhà :

— Lính đâu, đem roi đây.

Một tiếng « dạ » ran cả nhà.

Vân-Anh đứng run lập cập vì từ nhỏ đến nay nàng chưa bao giờ bị la dữ dội như hôm nay. Cơ mưu đã lậu, nàng nghĩ mình khó chối được nên muốn thú tội để nhờ cha lượng tình dung thứ cho. Mạnh bạo nàng tiến lại gần ngựa, quì xuống chân quan huyện, vừa khóc vừa thưa.

— Thưa thầy, thầy tha thứ cho con, vì con trót lỡ lầm một lần...

Nói đến đấy thì nước mắt nàng tuôn ra, ràn rụa cả mặt, cổ nàng nghẹn ngào không nói thêm được nữa.

Quan huyện thấy con đã thú, dịu nét mặt, dỗ con :

— Con trót lỡ dại thương ai thì cứ nói cha biết ; cha sẽ tha thứ cho, không hề gì mà sợ.

Hai giòng nước mắt long lanh thi nhau chảy trên gò má, Vân Anh vừa lạy vừa thưa :

— Thưa thầy, con đã trót thương anh Mai...

Biến sắc mặt, quan huyện hỏi dồn :

— Thằng Mai nào ?

Gạt nước mắt, nàng ấp úng nói :

— Dạ thưa thầy, anh Mai... con... cu... Liên.

Nghe dứt lời, quan kêu lên một tiếng : « Trời ơi ! con tôi nó giết tôi rồi », rồi đờ người ra, vì quan không ngờ đứa con quí báu của quan lại yêu một đứa con nhà bình dân hèn hạ như thế.

Sợ hãi, Vân-Anh nức nở thưa :

— Thưa thầy, con trẻ người non dạ, nhứt thứ lỗi lầm, xin thầy rộng lòng tha thứ cho con.

Còn hầm hầm nét mặt, quan huyện nói :

— Trời ơi ! mầy thử nghĩ : mầy làm như thế thì còn gì là danh giá của tao ? còn gì là tiếng tăm của con nhà gia giáo ? Thà mầy giết tao còn hơn ! Rồi hai tháng đây tao còn mặt mũi nào ngó quan Phủ nữa ? Tao đã hứa, tao sẽ gả mầy cho thằng tham Toản rồi kia. Tao là người lớn, không lẽ tao đi nuốt lời được !

Tức đến cực điểm, quan huyện ngất người ra, té xỉu trên bộ ngựa.

Không còn hồn vía, Vân-Anh chạy lại đỡ cha vào giường yên nghĩ, nhẹ bước trở về phòng.

⁂

Một năm trước...

Cũng như mọi đêm, sau buổi cơm chiều, Mai, một mình ung dung ngồi trên chiếc thuyền con thả lờ đờ theo giòng sông Hương. Tay ôm cây đàn, nắn phiếm so dây, chàng gẩy.

Gió nhẹ nhàng đưa tiếng đàn khi bổng, khi trầm, lan xa trong bầu trời im lặng đang say mê theo giấc mộng huyền bí của tạo hóa...

Mượn tiếng ngồi hóng mát hay thưởng trăng, Vân-Anh, con một yêu qui của quan huyện Phạm-Thông, tối nào cũng ngồi trên thềm xi măng nhìn theo giòng nước lờ đờ chảy. Theo tiếng đờn ai oán ngoài sông đưa lại, nàng cất giọng du dương ca một mình trong đêm vắng. Tiếng hát như ai như oán, hòa với tiếng gió hiu hắt trên mặt nước làm thành một âm nhạc thiên nhiên. Rồi tâm hồn man-mác nàng gởi theo những giọng ai oán đến chốn xa xăm vô định.

Một đêm kia...

Đêm rằm tháng bảy, trăng trong sao sáng, cây cối đang say mê uống ánh trăng ngà. Một ngọn gió thu thổi lướt qua làm rung động mặt nước. Những làn sóng nhấp nhô dưới ánh trăng dịu dàng biến thành hàng nghìn con rắn bạc đang uốn mình trên mặt nước trong xanh.

Vân Anh ngồi trầm tư mặc tưởng, nhìn làn sóng nhấp nhô, nhìn cảnh cây rung động, man mác, tê mê vì tiếng đờn ở đàng xa đưa lại.

Trong lúc say mê, nàng còn nghĩ gì đến tấm thân ngọc ngà của nàng, danh giá của cha nàng, tôn giáo nghiêm khắc của gia đình nàng. Nàng thương hại Mai, con người tài hoa lỗi lạc mà phải sinh trưởng trong gia đình chài lưới, nghèo nàn, vất vả ; rồi nàng ghét những cảnh lộng lẫy, xa hoa, lễ nghi phiền phức trong gia đình quan quyền. Nàng nghĩ đến Mai bao nhiêu thì lửa lòng càng bồng bột bấy nhiêu. Nàng định ngỏ cho Mai biết trái tim trong sạch của nàng đã rung động vì những tiếng đờn ai oán, du dương của chàng. Lanh lẹ nàng cất tiếng gọi:

— Anh Mai!

Tiếng lanh lảnh bay theo làn gió thoảng, lan ra giữa bầu trời man mác. Thẹn thùng với tiếng gọi, nàng vội lánh mình sau rặng tre xanh bên bờ sông. Một con thuyền nhỏ từ từ trôi vào. Ngồi trong thuyền, Mai, một chàng thanh niên khôi ngô, tuấn tú, vui vẻ, hiền lành, đưa mắt nhìn tứ phía, rồi, ra vẻ sợ hãi, lại cho thuyền lạnh lùng trôi theo giòng nước. Tiếng đàn lại nổi lên như cũ. Vân Anh nhìn theo thuyền, đưa tay gạt lệ, rồi quả quyết, nàng kêu luôn hai tiếng :

— Anh Mai! Anh Mai!

Con thuyền lại theo đường cũ trở vào.

— Thưa cô, cô gọi tôi có việc gì? Mai hỏi.

Thẹn thùng bẽn lẽn, Vân-Anh chỉ nhìn Mai bằng cặp mắt dịu dàng âu yếm như van như xin chàng thấu nỗi lòng cho. Hiểu ý, Mai tiến lại gần cầm lấy tay nàng, rồi đưa mắt nhìn nàng một cách say mê đắm đuối.

....Trăng trong sao sáng, cảnh vật im lặng, giòng nước lờ đờ chảy, làm tăng thêm vẻ nồng-nàn cho mối tình trong sạch của đôi bạn thơ ngây.

⁂

....Sau khi bị la, Vân-Anh trở về phòng. Nàng không sao ngủ được, trằn trọc hoài, hết nằm lại ngồi, nghĩ vơ nghĩ vẩn.

Nàng nghĩ đến Mai, từ nay trở đi, chàng sẽ ôm một khối tình tuyệt vọng không bờ không bến. Trong những đêm vắng, giữa giòng sông nước chảy lờ đờ, chỉ còn một mình Mai làm bạn với tiếng đờn ai oán sầu thảm, với mảnh trăng tàn lạnh lùng trong bầu trời bát-ngát. Không biết Mai có thấu rõ nỗi lòng đau đớn của nàng hay đã vội trách nàng phụ lời ước cũ. Nàng ngồi dậy định viết thơ cho Mai, nhưng viết rồi lại xé, viết luôn hai ba lần mà bức thơ không thành. Nàng cố tìm cách gặp Mai lần cuối cùng nữa, để tỏ cho chàng biết những việc vừa mới xảy ra.

Để viết xuống bàn, Vân Anh lại giường nằm, cố ngủ, nhưng không sao ngủ được. Trong lúc mơ màng, nàng thấy Mai, ăn bận cực kỳ sang, tươi cười đứng trước mặt nàng. Mai nói cho nàng biết chàng đã được phép quan huyện cho trong hai tuần nữa sẽ cùng nàng kết duyên tần tấn. Nàng vui sướng cầm tay Mai ngỏ lời cám ơn...

Tiếng chó sủa ngoài vườn phá tan giấc mộng của nàng. Mở mắt ra, Vân-Anh trông tứ phía chẳng thấy gì cả. Hình ảnh Mai cũng biến đi đâu mất.

Đêm đã khuya. Trong phòng tối đen như mực, Tiếng dế réo rắc ngoài hiên như than như khóc. Hạt sương [illegible] tách rơi trên tàu lá chuối như những giọt lệ.

Nỗi lòng đau đớn, Vân-Anh gục đầu xuống mảnh nệm tơ. Hai giòng lệ chảy tuôn ra như suối, làm ướt đầm cả mặt gối. Rồi nàng thim thíp đi bao giờ không biết.

⁂

Hai tháng qua...

Sau khi về nhà chồng được ba ngày, Vân-Anh ngã xuống đau. Nàng nằm liệt giường liệt chiếu, bỏ ăn bỏ uống, thuốc thang vô hiệu. Cả nhà quan Phủ Lê-Tuân lấy làm lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, tìm thầy tìm thuốc, cầu thần khấn phật, nhưng bệnh lại cứ mỗi ngày một tăng. Ai hỏi gì nàng cũng không nói ; ai dỗ gì nàng cũng không nghe. Nàng đã quyết hy sinh thân thể để giữ tấm lòng trong sạch nồng nàn với người yêu.

Nửa tháng lại qua... Trong dinh quan phủ xôn xao tấp nập vì Vân-Anh vừa mới lánh trần một cách đau đớn sầu thảm. Trên khuôn mặt xanh xao, gầy ốm người ta còn thấy cái vẻ lo lắng buồn rầu như có đều đau đớn ẩn nấp trong đáy lòng. Không màn vinh hoa phú quý, Vân-Anh ôm theo một mối tình tuyệt-vọng để ngậm cười nơi chín suối.

Từ đó người ta vẫn còn nghe tiếng đờn du dương, ai oán như than như khóc ở giữa giòng sông đưa lại khi trầm khi bổng trong bầu trời âm thầm hiu quạnh.

Ngồi trên chiếc thuyền con, Mai mượn tiếng đờn ai oán để trút nỗi lòng đau khổ cho khuây khỏa qua ngày tháng.

LÊ-VĂN (Huế)

DUYỆT BÌNH CÁC BÁO

Một vài điều bất tiện trong cuộc xổ số Đông-pháp kỳ nhì.

Cái số Độc-đắc vẫn để y 100 ngàn đồng như cũ là phải. Số Độc-đắc có nhiều tiền như thế mới giục lòng ham muốn của nhơn dân — đánh số may trúng được là làm giàu to ngay — và kỳ rồi giấy số bán mau nhấp nháy, chính là tại số Độc-đắc của nó nhiều hơn số Độc-đắc của các cuộc xổ số trước hết vậy.

Về phần số trúng 25 đồng, kỳ nhứt có 1.200 số trúng, nay tăng lên tới 10.000 số trúng song mỗi số trúng có 2[illegible] đồng thôi, làm vậy để cho có nhiều người trúng, nhiều người làm quảng-cáo cho cuộc xổ số chơi, chớ cũng chẳng lợi hại chi cả.

Đánh số, ai cũng mong mỏi vào các số lớn thôi, chớ số nhỏ lối hai chục, năm chục đồng, trúng cũng tốt mà không cũng tốt.

Về cái ngày xổ số — theo thông-cáo của ban Tổ-chức — trước định vào ngày 11 Novembre 1935 — nghĩa là trong dịp lễ Đình-chiến tới đây — nhưng bởi sợ e sự xin phép bên chánh quốc phải hao mất nhiều ngày giờ, định ngày 11 Novembre không làm kịp, nên định chắc vào ngày 22 Janvier 1936, nhằm 28 tháng chạp, trước Tết ta 2 ngày.

Xổ số mà định ngày 28 Tết thì thiệt là bất thông, vì nó bất tiện quá lẽ.

Kỳ xổ số mới rồi, các báo Pháp Nam ở đây có sắp đặt cách lấy tin xổ số mau lắm, đúng lắm. Tám giờ xổ số ở Hanoi thì 9 giờ các báo Saigon ra đã có đăng các số trúng rồi !

Người mua giấy số đang nóng biết tin, gặp việc mau mắn như thế thì ai cũng bằng lòng lắm.

Báo giới đã giúp ích cho cuộc xổ số rất nhiều.

Nay xổ số vào ngày 28 Tết, bữa ấy có lẽ còn một vài tờ báo Tây xuất bản thôi, chớ còn hết thảy báo chí quốc âm đều nghỉ ráo. Năm nào cũng vậy, sau khi ra số Tết rồi, báo chí quốc-âm đều gác bút từ hôm 25 Tết.

Xổ số vào ngày 28, không có báo chí đăng tin, có phải là bất tiện cho người mua số dò số lắm chăng ?

(Công-luận)

⁂

Đồng ý kiến với bạn đồng-nghiệp về chỗ định ngày xổ số. Nó gần Tết quá, các báo chí quốc âm không được dịp giúp ích cho quốc dân.

Bạn đồng nghiệp có nói đánh số ai cũng mong được số lớn, *số nhỏ lối hai chục, năm chục đồng trúng cũng tốt mà không cũng tốt.* Chúng tôi *hơi* không đồng ý. Vì tuy rằng ai cũng mong ước số lớn nhưng không phải vì thế mà không thèm số nhỏ. Trái lại với bạn đồng nghiệp, chúng tôi muốn cho số trúng thiệt nhiều, càng nhiều bao nhiêu đồng bào lại càng được nhiều người hưởng cuộc xổ số bấy nhiêu. Đứng ngó một người trúng số độc đắc mà mình thì không được một số nhỏ 20$ để an ủi thì cũng khí cay ! Ý chúng tôi là muốn cho chung quanh mình chỗ nào cũng có người trúng chẳng nhiều thì ít : như thế mới vui, như thế lần sau mới nhiều người mua số nữa. Chúng tôi lại ưng thấy mỗi lần xổ số chúng ta có thêm một nhà triệu phú, nên kỳ sau giữ số độc đắc 100 ngàn là phải lắm.

Chúng tôi có thể nói : Cuộc xổ số Đông-pháp lần thứ nhì là hoàn toàn nếu như Chánh-phủ định ngày xổ số hoặc trước Tết một tháng, hoặc sau Tết một tháng. Trước Tết, người trúng số có tiền xài Tết, sau Tết, người trúng số có tiền [illegible] xuân, đằng nào cũng hay cả.

Đạo vợ chồng ở xã-hội Trung-hoa ngày xưa và ngày nay.

Người vợ bé chánh là người tùy theo sự chọn lựa của đức ông chồng. Nếu người vợ chánh không sanh con để cái nối dòng cho chồng được, thì lẽ tự nhiên là chồng phải cưới vợ bé, điều phải cưới đến năm ba người cũng được, vì đó là cái quyền của người đàn ông.

Người đàn ông lấy làm vui thích mà thấy mình được làm chủ nhiều người đàn bà, nhiều đứa con. Đời người đàn ông chỉ có thế thôi.

Người vợ bé ở trong gia đình, không có quyền hành chi hết. Người vợ bé cũng biết cái địa vị của mình vậy. Con cái của mình là thuộc về của người vợ chánh. Người vợ bé làm sao cũng vẫn là người vợ bé.

Cái lệ này lần hồi theo thời gian mà biến đi đổi đi nhiều.

Năm 1932, Chánh phủ Dân quốc có ban hành một đạo luật mới buộc việc vợ chồng phải do sự điều đình thỏa thuận của đôi bên, và người đàn ông chỉ được cưới một vợ theo pháp luật qui định. Luật ấy nói quyết rằng sự cưới hỏi phải do hai bên bằng lòng nhau mới được.

Luật ấy đã gây nên một làn sóng phản đối dữ dội ở phái bảo thủ, vì nó đã xâm phạm tới một nền cổ giáo trải biết mấy ngàn năm làm căn bản cho nhơn tâm, thế đạo.

(ĐUỐC-NHÀ-NAM)

⁂

Về vấn-đề phu-thê, nước ta thật là cái bóng của nước Tàu.

Đàn ông thì năm thê bảy thiếp cũng được mà đàn bà thì nhất thiết chỉ có một chồng: đàn bà là vật sở-hữu của đàn ông — hay nói cho đúng — là một món hàng ai mua mấy cũng được. Bởi nó không đắt đỏ khó khăn gì, nên đàn ông thường rẻ rúng khinh miệt nó. Vợ cả còn khá, đến vợ lẽ thì thiệt là tôi đòi nô-lệ.

Trước kia còn có thể nói thầy nào trò ấy, nay núp dưới lá cờ tam tài mà còn nhiều người vẫn khư khư giữ cái chủ nghĩa đa thê ấy. Những người đó — tiếc thay — lại thường thuộc về phái thượng lưu hoặc trí-thức hoặc tư bản. Trong số đó các quan chiếm một phần lớn.

Một đều đau đớn là những người vợ lẽ con hầu đó không mấy khi được lấy có giá thú hẳn hoi : người ta mua như mua súc vật.

Nói đến đây tôi không khỏi nghĩ đến cái tục lấy hầu ở đất Đế-đô. Chớ tưởng lấy hầu chỉ có những người tuổi-tác lấy để dối già hay những người đương tuổi muộn bề con cái lấy để mong có con nối giõi. Không, nếu vậy đã không lấy gì làm lạ lắm. Đằng này mới hai mươi tuổi đầu mà đã lấy hầu mới kỳ chớ ! Kỳ nhứt ở chỗ người con gái ấy tuy là được lấy đầu tiên mà không được làm vợ cả ! Cái địa-vị ấy để dành cho một người sau này. Nhục nhã chửa, không biết trong những đêm mặt đường anh chị hú hí với nhau có thấy sượng sùng không, còn đâu là ân-ái mặn nồng, còn đâu là tình nghĩa tào-khang ! Không biết chị-chàng có biết chỉ là một đồ dùng trong chốc lát để thỏa lòng dâm dục của người và một ngày kia sẽ bị hất hủi khinh mạt như một đồ vật nhớp nhúa ô uế không ?

Tôi có biết một người lấy cho con luôn hai nàng hầu một lúc, đến bây giờ không biết ông con ấy đã có mấy nàng hầu rồi, nhưng có điều chắc chắn là ông ấy vẫn chưa có vợ. Mà cũng phải tội chi vợ con cho thêm bó buộc bận-bịu.

Bao giờ ta mới tống khứ được chủ nghĩa đa-thê ? Cái ngày tốt đẹp đó có thể đến cùng một ngày mà phụ nữ ta biết tự-trọng mà thôi. Gần, xa, xin hỏi các bà các cô.

Giá-trị của lao-động

...Ta có thể tóm tắt lại mà nói rằng thanh-niên ta đã mất cả tư-cách tốt đẹp đi rồi. Tóm tắt lại là vì một cái sợ mà ít người xét rõ căn nguyên.

Nói cho đúng, cái óc hư danh, cái óc muốn làm « thầy », làm « quan », hiện nay chỉ còn sống sót trong một ít người chậm tiến hóa mà thôi. Phần đông thanh-niên chỉ vì sợ cực xác, sợ lao-động mà lắm khi bán cả lương-tâm.

Học sanh ta không mấy ai dám lăn lóc trong các xưởng thợ, các nhà máy để rèn đúc cho được một cái nghề có thể mở-mang cho nền kỹ-nghệ nước nhà. Có du học sang Pháp cũng chỉ thích đọc sách, ngâm thơ mà thôi.

Nếu thanh-niên ta hiểu thấu những mối tệ hại do tránh sự « lao-động » mà ra, thì ngay từ lúc đương ôm sách đến trường đã bắt đầu tập luyện cho quen với việc lao-động.

Cái nạn trí thức thất-nghiệp mà người ta hay kêu gào lo-lắng ở xứ nầy chỉ là một đều mộng-tưởng, nếu thanh-niên ta có can đảm đủ sống bằng hai cánh tay chớ không ỷ-lại ở những cái mảnh bằng nhỏ mọn.

Ở cái thời kỳ khó kiếm công ăn việc làm nầy, những kẻ không thích lao-động, nếu không phải là miếng mồi của thần tự-tử cũng là tín-đồ của bọn quỉ độc ác, giả dối.

Nếu giáo-dục ở ta không có khoản chương-trình luyện tập cho thanh-niên lao-động, ấy cũng là một đều khuyết-điểm rất lớn đã đúc ra vô số thanh-niên vô-can-đởm, dở thầy dở thợ không biết nương dựa vào đâu.

(Tân-thời)

⁂

Xưa kia đã thuộc vào hạng trung-lưu người ta chỉ có một nghề, nghề làm quan. Nghề nầy không bó buộc phải giỏi về kinh-tế học, xã hội học... chỉ cần phải có cái óc nich chặt những... chữ Hán và cái khiếu ứng đối thơ phú cho trôi chảy là được, tuy rằng từ đặt thơ sang cai trị còn có một cái vực sâu.

Nước ta cổ lại chỉ chú trọng về văn học là vì lẽ đó, chỉ những người có óc văn học mới hòng có địa vị cao sang trong xã hội, mới dám mơ tưởng một tương lai rực rỡ, cho nên nhiều người thông minh sáng suốt nhưng không có óc văn học đã bị vứt bỏ hai bên vệ đường. Trong số những người không gặp thời đó, ta mất biết bao nhiêu nhân tài : biết đâu chẳng có vô số nhà kỹ nghệ lỗi lạc, vô số tên thợ khéo léo !

Ngày nay với văn minh Âu tây, người ta không còn khinh bỉ hay biệt đãi nghề nào : *« Không có nghề khó chỉ có người khó ».* Vậy còn có hạng người vẫn giữ cái tính hư danh là mến trọng nghề trí não và khinh rẻ nghề chân tay.

Lúc ngân sách chánh phủ dồi dào mảnh bằng cấp được thâu dụng chẳng nói làm chi, nhưng mà lúc số quan lại bị bớt lương bổng lại bị xén như lúc này, hãy hỏi những người cao kỳ ấy kiếm cách gì cho đủ ngày hai bữa ? Phải chi họ chịu luyện tập cho chân tay họ quen làm việc, họ chịu uốn nắn cho tính cách họ «lao động» lên một chút thì đâu có phải bơ vơ vô nghệ nghiệp như phần nhiều các trí thức thất nghiệp ngày nay. Cũng như bạn đồng nghiệp *Tân thời* chúng tôi thấy hiện trong chương trình giáo dục còn thiếu khoản luyện tập giạy dỗ cho thanh niên lao động. Sự khuyết điểm đó hai chánh phủ chớ nên bỏ qua.

Ngó qua bên nước Đức: học trò 14, 15 tuổi mỗi tuần lễ phải mấy hôm giậy sớm, từ tang tảng sáng để tập cuốc đất đắp đường....

Cái lợi trước mắt là chúng sẽ được khỏe mạnh để ăn học cái lợi về sau là đứng trước hai chữ lao động chúng không run cầm cập như anh em Nam Việt mình !

TIÊU-DIÊU-TỬ

PHÉP CHÂM-CHÍCH HAY LỄ CỨU

(Cấm dịch, chuyển đăng và trích ra làm sách)

Bài thứ tư

Y-lý của khoa-học châm chích

(tiếp theo)

Thuyết đối đãi của âm-dương là một thuyết trọng yếu trong khoa vật-lý-học của Á châu. Theo các nhà danh y xưa, khí thuộc dương, huyết thuộc âm; khí có thể sơ sánh với gió, huyết so sánh với nước, gió thổi làm cho mặt nước rung động; khí huyết ở trong ống máu (huyết quản) sanh ra các thể mạch như là phù, trầm, tri, sác. Hai cái động lực khí huyết hợp tác mà cai quản tất cả các bộ phận sanh hóa trong thân thể.

Sách thuốc Tàu chia các cơ quan của người ra làm hai hạng:

1) Thuộc về dương thì có: ruột, bao tử, bóng mật, bóng đái, cật bên mặt;

2) Thuộc về âm thì có: quả tim, lá gan, phổi, lá lách, não và cật bên trái.

Lá lách (*la rate*) thuộc về âm nghĩa là trong cơ quan nầy phần âm nhiều hơn phần dương; cũng như bao tử (dạ dày) thuộc về dương nghĩa là ở đó phần dương nhiều, phần âm ít. Khí âm dương vận động luôn trong thân thể: bắt đầu đi từ lá phổi (giờ dần) cho đến chỗ cuối cùng là lá gan (giờ sửu); theo một hành trình nhất định, mỗi một giờ của âm lịch thì khí âm-dương đi qua một địa phận của thân thể. Vận khí trong thân thể là một thuyết đặc biệt của Tàu. Người thái tây đã nghiên cứu châu đáo về sự châu-lưu của hồng-huyết của bạch huyết, về các đường thần-kinh-hệ, họ không khi nào nghĩ đến cái lối «vận-khí» của Tàu.

Sách Nội-kinh có câu: «Khi nào khí huyết mất điều hòa thì vạn bệnh nổi lên». Vạn bệnh đó do một căn nguyên mà sanh ra.

a) Dương thịnh âm suy;

b) Âm thịnh dương suy.

Sự hư thiệt đó phát hiện nơi sắc mặt, tiếng nói, hơi thở của người bệnh và nó cũng phát hiện nơi mạch nữa. Ở đây không thể nói đến các thể mạch được, phải nhiều quyển sách mới biên hết các lối luận mạch Tàu.

Nhà châm-chích cần biết nhất là mạch hư và mạch thiệt để mà bổ hoặc tả, nghĩa là thêm hoặc bớt. Ví dụ gặp một người bệnh đau bao tử, nhận ra thuộc chứng dương suy, thì làm phép bổ dương hay là làm phép tả âm để cho hai cái lực âm-dương có cho điều hòa.

Kinh lạc và huyệt

Mỗi một cơ quan trong thân thể (hay là một vài phận sự của cơ quan ấy) đều phản chiếu nơi bì-phu, phản chiếu theo một đường như đường vĩ-tuyến của địa-cầu, đường ấy gọi là «lạc». Trong mỗi lạc có nhiều chấm, mỗi chấm có một địa vị nhứt định, chấm ấy gọi là «huyệt». Khi nào một cơ quan thụ bệnh bởi sự âm-dương bất hòa, thì người ta thấy đau nơi một vài huyệt thuộc về lạc của cơ quan mắc bệnh; cái đau nơi huyệt đó hoặc là thình lình hiện ra, hoặc là người ta có động chạm đến nó mới xảy ra.

Cả thảy có 14 lạc:

2 lạc gốc ở giữa trung tim, một đường chạy phía trước; một đường chạy phía sau (lạc *Nhâm* và lạc *Đốc*).

12 lạc khác chia ra như thế nầy:

Ở cánh tay (membres supérieurs): 3 lạc ở phía ngoài, 3 lạc ở phía trong.

Ở cánh chân (membres inférieurs): 3 lạc ở phía ngoài, 3 lạc ở phía trong.

Những lạc nầy tánh chất khác nhau, có cái thuộc về âm, có cái thuộc về dương; có cái khởi đi từ thân mà ra tới ngón tay ngón chân; có cái khởi đi từ ngón tay ngón chân mà đi vào thân. Lạc nào cũng đi dựa theo bề dài của tứ chi, chớ không phải theo đường của bạch huyết hay là hồng huyết; lạc nọ thông với lạc kia nhờ những huyệt riêng gọi là «Kinh».

Sách «Châm chích đại thành» nói rõ những lạc, huyệt nhưng mà hình vẽ của sách ấy quá tệ cho nên nhiều người xem hay lộn.

Cách điểm huyệt

Các nhà làm thuốc bắc cho sự điểm huyệt rất khó, vì họ khi trước họ không học khoa «thân thể». Một cái khuyết điểm rất lớn, phải nên bồi bổ. Có nhiều huyệt dễ chấm bởi nó ở chính nơi có sẵn danh từ (*points anatomiques*), thí dụ như:

Lỗ rún (thần khuyết, *ombilic*);

Xếp lắc léo (*pli articulaire*);

Đuôi xương mỏ ác (cưu-vĩ, *appendice xyphoïde*);

Những huyệt ấy nằm chung với những nơi mà thân thể học đã chỉ rõ, cho nên biết thân thể học thì tìm mau. Còn những huyệt ở ngoài các dấu thiên nhiên (*points de repère naturels*) thì sách xưa có bày nhiều phép điểm:

a) Điểm nơi tứ chi, thì lấy lóng tay làm thước — Bề dài của lóng giữa của ngón tay giữa, nam tả, nữ hữu. Thước tay đó gọi là «thốn». Như muốn điểm huyệt «Lai-câu» thì đo từ mắt cá trong thẳng lên năm thốn.

b) Điểm huyệt ở đầu th dùng thốn khác: từ trước ra sau, từ chân tóc trán đến chân tóc ót, đo một đường, lấy đường ấy chia làm 12 phần, một phần mười hai (1/12) là một thốn; thốn nầy để điểm các huyệt theo đường giọc (từ trước ra sau); khi điểm các huyệt theo đường ngang (từ tả qua hữu) thì dùng «nhãn thốn». Nhãn thốn nghĩa là bề dài của con mắt hai mí nhắm lại.

c) Ở ngực và bụng, đo theo bề ngang thì dùng thước vú. Đo một đường ngang, đi qua hai nuốm vú, chia đường ấy ra tám phần — một phần tám (1/8) là một thước vú.

Cũng ở ngực-bụng, theo chiều dọc, có ba đoạn, mỗi đoạn phải theo một thước khác:

Đoạn thứ nhứt, từ «chiên-trung» xuống ngang vú, lấy một phần tám (1/8).

Đoạn thứ nhì, từ cưu vĩ đến rún, lấy một phần chín (1/9).

Đoạn thứ ba từ rún đến hội-âm, lấy một phần năm (1/5).

Về sau lưng, chính giữa, có một lạc gọi là «lạc Đốc», rất quan hệ, những huyệt ở trong lạc nầy dùng chữa nhiều bệnh. Hai bên «lạc Đốc» có lạc bàng quang cũng quan hệ lắm. Điểm huyệt ở đây, theo sách tàu rất khó, làm hay sai; theo cách tây rất dễ, khi nào chúng tôi xuất bản quyển «Châm-chích cấp cứu» sẽ có in nhiều bức vẽ và bức bóng để cho độc giả dễ nhận và dễ tìm những huyệt đáng dùng. Ở sau lưng, chính xương sống, chỉ có bản đồ thân thể là rõ ràng dễ chỉ; nói dông dài mấy cũng không hiểu.

Tóm tắt lại, phép điểm huyệt dùng những thước sau nầy:

Bề dài của lóng giữa thuộc ngón tay giữa;

Bề dài của con mắt hai mí nhắm;

Bề dài của lỗ miệng hai môi ngậm;

Người Tàu nghĩ ra phép đo như vậy rất tinh xảo, chỉ có phép đó mới thích hợp với từng người ai có thước riêng nấy. Có người cao, thấp, béo ốm, không thể dùng chung một thước được.

HOÀNG-MỘNG-LƯƠNG

Một võ-sĩ sẽ là vô-địch cả thế-giới

Bảy vạn khán-giả ở Nhiêu-do vừa rồi, sau khi xem một trận tỷ võ trên lôi-đài, ai ai cũng đều nói như vậy về võ-sĩ người đen tên là Jeo Loius.

Jeo Loius mới 21 tuổi, người thấp bé, chỉ đánh có sáu hiệp là hạ được ông «ông vua *bốc*» giữ chức vô-địch ở nước Mỹ bấy lâu, tên là Carnera, người cao 6 thước 6 tấc, nặng 260 bồn (cân Anh).

Bắt đầu mới đánh nhau hai phút, Loius đã đánh trúng chỗ môi của Carnera đổ máu. Năm hiệp đầu, Loius cứ đánh vào trung-bộ của người bên địch. Bên địch đánh lại, không trúng cái nào hết. vì Loius lẹ như con sóc, giỏi trớ lắm. Carnera biết không đánh được. chỉ lo giữ trung-bộ mình mà thôi.

Đến hiệp thứ sáu, Loius lừa khi hở, đánh trúng con mắt bên tả của Carnera một cái thật mạnh. Carnera rúng cả mình, nhào ngửa ra. Loius theo đánh một cái nữa vào sống mũi, Carnera mới thật ngã nằm xuống.

Viên trọng-tài đếm đến «bốn» thì Carnera lại hầm hầm đứng dậy, nhưng bị ngay một đấm của võ-sĩ đen, mặt đầy những máu, lại ngã xuống lần nữa. Viên trọng-tài đếm đến «năm» thì anh ta chờm-ngờm ngồi dậy, nhưng sức đã kiệt rồi, xin thôi không đánh nữa.

Loius nặng 196 bồn, nhưng được cái *tỉnh*, *lanh* và *đánh độc*, cái nào đáng cái ấy, nên mới hạ được vua bốc và sẽ thay làm vua bốc.

VƯỜN THƠ

Mặt biển, chiều hôm

Mênh mông trời với nước,
Thảm đạm buổi chiều hôm.
Xa xa mờ khói biếc,
Lơ lửng một cánh buồm.

.·.

— Buồm kia! đi về đâu?
Cho đôi ta cùng nhau
Nơi chân trời mặt nước
Trăm năm cùng bạc đầu!

PH...

Chơi thuyền đêm giăng

(Hát ả-đào)

Miễu:

Giăng giăng gió gió một chèo,
Gió lay cành biếc giăng treo giữa trời.
Trông giăng ngơ ngẩn sự đời,
Giăng trong để đục những người dưới giăng!

Nói:

Phong thanh nguyệt bạch.
Một con thuyền róc rách dạo đêm thu.
Lúc thanh nhàn hứng mát ngao du,
Mặc bốn bề năm chu người lắm truyện!
Phảng phất phong phiêu lai thủy diện,
Bồi hồi nguyệt ảnh ấn ba tâm.
Dưới giăng trong tiệc rượu cung cầm,
Nào thế thượng tri-âm ai đó tá?
Ta chỉ chén, tha hồ thiên hạ
Cuộc cổ kim đứa xóa đứa bày ra!
Ai ai, ai cũng hay mà!

Hạnh-sơn TRẦN-QUỐC-TRINH

Văn-hóa bình-luận

Cái ảnh-hưởng của văn-hóa Trung-quốc truyền đến phương Tây

(Dịch của GIANG-CANG-HỒ — Tiếp theo phụ trương số 50)

Nhẫn lên nói về những việc cũ do đó biết văn-hóa Trung-quốc truyền sang phương Tây. Đây nhẫn xuống tôi đem những việc tai nghe mắt thấy trong khi ở Âu-châu 12 năm, ở nước Mỹ 8 năm, chọn những điều lớn-lao mà nói để cho thấy sự phát-triển của văn-hóa Trung-hoa từ Đông sang Tây là thế nào.

Đây tôi chia ra làm ba hạng: 1.) *tông-giáo*; 2) *văn học*; 3.) *mỹ-thuật*.

1°) *Tông-giáo.*

Hết thảy các tông-giáo trên thế giới, phần nhiều do người Á-châu phát minh ra. Sự đó ai ai đều biết. Hiện nay văn-minh vật chất của phương Tây đã là phát-đạt lắm; hễ cái gì lên đến cùng-tột thì nó phải trở lại, cho nên gần nay người Tây đối với tông-giáo lại đã bắt đầu có ý sốt-sắng nghiên-cứu rồi. Ví như triết-học của Ấn-độ tức là một thứ triết-học của phương Đông, người Âu-Mỹ họ đương sốt-sắng nghiên-cứu lắm. Vả lại thứ triết-học Ấn-độ mà họ nghiên cứu rất là hoàn-toàn, chứ không những một Phật-học mà thôi. Cho đến các môn ngoại-đạo Ấn-độ dù không phải Phật-học họ cũng nghiên-cứu một loạt.

Có điều hết thảy các sách Kinh, Luận thuộc về Phật-học hầu hết đã dịch ra chữ Tàu bởi người Trung-quốc thì thật là hoàn bị. Rất đỗi có nhiều sách Kinh, Luận hiện nay ở Ấn-độ đã thất-truyền mà ở Trung-quốc đều còn có các bản dịch rất tốt. Bởi vậy người Tây họ nghĩ rằng nếu muốn nghiên-cứu Phật-học thì phải ra công học kinh Phật bằng chữ Tàu cho lắm mới dễ thành công.

Thứ đến các kinh sách của Nho-giáo, Đạo-giáo là các tông-giáo cố hữu của Trung-quốc, người Âu-Mỹ họ cũng hoan-nghinh một cách đặc-biệt. Theo như chỗ tôi (Giang-Cang-Hồ xưng mình) biết: Đạo đức kinh của Lão tử, bản dịch bằng chữ các nước đã có một trăm thứ trở lên; chỉ nói nội một thứ tiếng Anh đã có hai chục bản dịch rồi. Họ đối với sách Lão tử, người hiểu thế này, kẻ hiểu thế khác mặc dù; chỉ thấy nhiều bản dịch như vậy cũng đủ biết họ nghiên-cứu sách ấy một cách chu-đáo lắm. Ngoài ra như các sách: Trang-tử, Liệt-tử, Doãn-văn tử, Át-quan-tử, mỗi thứ đều có mấy bản dịch tiếng Anh rồi. Chẳng những dịch sách thôi đâu, về các môn học phương Đông họ đều có tay học-giả chuyên-môn. Họ nghiên-cứu Phật-học hoặc Đạo-học của Trung-quốc đều có chia ra từng học-phái. Họ cũng có chia ra Nam tông, Bắc tông, Nội-tông, Ngoại-tông. Lại cũng có ít nhiều học-giả tính đem hai bộ sách Dịch-kinh và Đạo-đức-kinh nghiên-cứu làm một để lập ra một môn học gọi là «Dịch kinh Đạo», như thế, họ cho rằng họ đã nhận được cái bí-quyết xưa nay chẳng truyền cho ai mà tự lấy làm đắc ý lắm. Do sự sốt-sắng nghiên-cứu đó đến nỗi lắm lúc sinh ra cho họ những cách cử-động như là mê tín vậy.

Các bản dịch kinh-sách của Khổng-giáo bằng tiếng Anh nên cho bản dịch Tứ-thơ Ngũ kinh của ông Legge đứng thứ nhất. Ông này ở ngang đời Đạo-quang Hàm-phong thuở Mãn-Thanh, đi truyền-giáo lâu năm ở Trung-quốc, vì đó mà ông rất tin đạo Khổng, cho nên đã dùng cả tinh-thần vào việc dịch sách Tứ-thơ Ngũ-kinh. Hồi đó ông Vương-Thao, tự Tử-Thuyên, vốn là một bậc tiền bối có tư tưởng cách mạng, vì làm việc không thành, cực chẳng đã chạy ra ngoại-quốc, trước đến Nam dương, sau qua các nước Anh, Pháp, bấy giờ chính là lúc ông Legge đương dịch sách nho ông Vương-Thao có giúp cho ông Legge trong việc dịch rất nhiều.

Từ khi có các bản dịch sách Tàu bằng tiếng Tây, rồi người Tây mỗi năm một nhiều những người chăm nghiên-cứu học-thuật Trung quốc. Các sách dịch lại càng ngày càng ra nhiều thêm nữa. Cho đến sau trận Âu châu Đại-chiến, người Âu Mỹ họ nghiên cứu học-thuật Trung quốc lại càng nhiều hơn. Trong các sách nho, họ ưa đọc hơn hết là kinh Thi và kinh Dịch. Vì kinh Thi là sách về văn học bậc cao đẳng, kinh Dịch là sách về triết-học thuần-túy. Trong hai sách ấy, người nghiên-cứu kinh Dịch lại nhiều hơn. Vì kinh Dịch chuyên nói về triết-lý, trong khi nghiên-cứu, có thể đ m ý riêng của mình xen vào đó một cách dễ-dàng, tùy mình giảng ra thế nào tức là nó có nghĩa lý thế ấy.

Đến vài ba năm gần đây, ở nước Mỹ, người ta lại đã đem sách Truyền-tập-lục của Vương Dương-Minh mà dịch ra rồi. Những người nghiên-cứu sách ấy cũng nhiều lắm. Thế rồi trong các lớp học cũng nổi lên những vấn đề «Chu Lục dị đồng» và «Lục Vương thọ thọ» mà biện-nạn cùng nhau một cách rất kịch-liệt cũng như ở bên Tàu thuở trước có một hồi như thế.

2°) *Về văn học.*

Văn-học của Âu-Mỹ, tiểu-thuyết chiếm một địa-vị trọng yếu. Trước đây mấy năm họ xu-hướng về chủ-nghĩa «tả-thực», gần đây lại xu-hướng về chủ-nghĩa «Tân Tượng-trưng». Chủ-nghĩa kêu bằng «Tân tượng trưng» tức là thứ tiểu-thuyết gần giống như tiểu-thuyết thần-quái, phưởng-phất với truyện Tây-du truyện Phong-thần của người Tàu thuở xưa. Cái chỗ hay của thứ tiểu-thuyết ấy là có thể mở mang một thứ lý-tưởng của người đọc nó. Tức như chuyện Na-cha cỡi được «phong hỏa luân» ở truyện Phong-thần có thể mở mang cho chúng ta cái tư tưởng chế-tạo ra máy bay hay xe bay. Sự đó rất là có thú-vị.

Tiểu-thuyết rồi đến thi. Hiện ở Trung-quốc có nhiều nhà văn học làm thi hay bắt-chước theo lối thi tây; thế mà ở nước Mỹ người ta lại ưa làm theo lối thi cũ của Trung quốc. Kinh-Thi ba trăm bài đã có nhiều bản dịch bằng các tiếng tây rồi. Còn thi Hán, Ngụy, như cổ ca, nhạc-phủ, người tây dịch ra chữ tây cũng chẳng ít. Họ trải qua nhiều lần nghiên cứu, gần nay mới biết chú-trọng về Đường thi; và về Thạnh đường, họ còn chú-trọng hơn. Các tên họ của các nhà làm thi đại-gia như Lý-Bạch, Đỗ-Phủ, Vương-Duy, Mạnh-Hạo-Nhiên, họ nhắc đến luôn luôn ở cửa miệng. Những người tây dịch thi Trung quốc, trước kia có ông Đinh-vĩ-Lương dịch nhiều lắm. Thứ đến ông Giles người Anh, dịch cũng nhiều. Mới đây nước Mỹ có ông Carose đối với thi Trung-quốc có lòng nghiên cứu sốt-sắng lắm. Ông ta lấy làm bực mình vì học chữ Tàu còn kém nên tính mượn một người Tàu giúp sức mà mượn không được ai. Những người Tàu ở nước Mỹ duy có học-trò và thợ là nhiều hơn hết, thợ thì rất kém về văn-học, còn học-trò mắc lo công-khóa trong trường, không có thời-giờ dư; vì vậy ông ấy phải mượn một người Nhật-bản để giúp mình về sự dịch.

Mấy năm gần đây ông Carose đã xuất bản mấy cuốn sách dịch thi Trung quốc. Mới rồi dịch thi-tập bốn nhà đại gia về đời Mãn-Thanh: Ngô Mai Thôn, Vương Ngư-Dương, Triệu-Âu Bắc, Viên Giản trai rao bán cách dự ước trước khi ra sách được chạy lắm, không bao lâu mà bộ sách dịch thi tứ gia ấy đã in đến lần thứ ba.

Tôi (Giang cang Hồ xưng mình) ở nước Mỹ trong lúc rảnh việc, cũng định dịch bộ Đường thi tam bách thủ ra Anh văn, hiện tôi đã dịch được một mớ. Có ông Bynner người Mỹ, bạn tôi, chuyên nghiên cứu về thi học Trung quốc, cố giúp tôi dịch cho xong bộ sách ấy. Sách đó chúng tôi cũng đã rao bán dự ước rồi, người ta gởi đến mua cũng nhiều.

Lại có một điều nghĩ đến mà có thú lạ! Người nước Mỹ mỗi khi họ làm bài thi tiếng Anh, họ rất ưa dùng điển cố sách Tàu trong bài thi của họ: nào Hán, nào Đường, họ nhắc đến luôn luôn. Chẳng khác nào các nhà văn học mới của Trung hoa mỗi khi làm thi cũng hay dùng những sự tích ở các sách bằng tiếng nước ngoài!

(*Còn nữa*) V. T

Văn nghệ tạp đàm

Thi chung

Bên Tàu có một lối làm thơ, gọi là «thi chung» (詩鐘). Thi chung do một văn-hội, một thi-xã hoặc một nhà báo ra đề rồi chấm những bài làm gởi tới, sắp thứ-tự và phát giải thưởng cũng như các cuộc thi đáp thai v.v...

Thi chung có nhiều cách. Cách thường dùng là như «phân vịnh» (分) và «khảm tự» (嵌字).

Thường thường thi-chung chỉ có hai câu, mỗi câu bảy chữ đối nhau, như câu thơ thất-ngôn luật có đối vậy.

Cách khảm-tự là dùng hai chữ đối nhau, mỗi bên một chữ, như câu bên này chữ hoa «đối câu bên kia chữ «nguyệt». Chữ đối ấy ở về thứ mấy trong câu thì tùy người ra đề.

Cách phân-vịnh thì có điều ngộ-nghĩnh hơn. Phân vịnh nghĩa là hai câu thơ, mỗi câu vịnh một người hoặc một vật mà phải đối nhau. Vịnh cái gì, cũng tùy ở người ra đề vậy.

Trước đây đã lâu có một lần ở Quảng-đông có mở cuộc thi-chung, ra đề theo cách phân-vịnh là: *một bên vịnh Lỷ-Hồng-C ương*; *một bên vịnh cái â-hộ* (cái của đàn bà).

Bạn đọc đừng nghe mà cười vội. Ấy là một lối phân vịnh mà người ta cho là khó lắm đấy. Hai vế vịnh hai vật mà chính hai vật ấy không quan hệ gì nhau cả, khác nhau xa quá thì mới làm thế nào.

Vậy mà câu quán quân trong cuộc thi-chung ấy như vầy:

舉 世 盡 稱 和 事 老;
Cử thế tận xưng hòa sự lão;
回 頭 都 是 過 來 人
Hồi đầu đô thị quá lai nhân.

Bấy giờ thiên-hạ đều cho là hay và truyền tụng, đến nỗi ông Lương-khải-Siêu cũng lấy làm thích lắm mà đem chép vào trong bổn tháp-ký của mình.

Câu ấy vế trên nghĩa là: Cả một đời ai cũng kêu là ông già hòa sự — thật ra Lý-hồng-Chương, vì hồi cuối Mãn-Thanh, họ Lý nhiều lần đứng nghị hòa với các nước. Vế dưới nghĩa là: Quay đầu lại, ai cũng là người đi ngang qua chỗ đó — thật là cái âm-hộ, ai ai cũng ở đó mà ra.

Lần khác cũng cách phân vịnh mà người ta ra *một bên là con cọp*; *một bên là người con gái đui*.

Câu quán quân lần ấy thế này:

生 添 兩 翼 威 無 敵
Sinh thiêm lưỡng dực uy vô địch;
嫁 得 重 瞳 憾 始 平
Giá đắc trung đồng hám thỉ bình.

Câu này cũng hay. Vế trên nghĩa là: Nếu sanh thêm hai cánh thì không có gì địch lại nữa. Thật rõ là con hổ. Vế dưới nghĩa là: Nếu gả được cho người có bốn con ngươi (như Ngu-Thuấn hay Hạng-Võ) thì chỗ khuyết-hám mới lấp bằng. (Câu này dụng trí khéo tuyệt: Người con gái đui cả hai mắt chỉ mong gả được người chồng có bốn con ngươi thì mới bù lại thôi).

Đó, tôi giới thiệu qua loa cho bạn đọc lối thi-chung bên Tàu là như thế đó. Chữ quốc-ngữ ta có thể làm lối ấy được lắm, để rồi sau sẽ bàn.

THƯỢNG-V...

XÓ CƯỜI

Cũng như của tôi

— Cái nhà này đẹp quá, ông ở sướng lắm hẳn; nhưng là của ông, hay ông thuê của người ta?

— Tôi thuê của người ta đấy; nhưng cũng như của tôi.

— Sao vậy?

— Vì đã tám tháng nay tôi không trả đồng tiền thuê nào hết!

Tử Ruồi